

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

ĐỀ ÁN
ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
Năm 2021

(Đính kèm Công văn Số: 2446/ĐHHS-ĐTĐH, ngày 02 tháng 12 năm 2021)



MỤC LỤC

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án Đào tạo từ xa	1
1.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội	1
1.1.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội.....	1
1.1.2. Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025	2
1.2. Khảo sát, đánh giá nhu cầu.....	2
1.2.1. Kết quả khảo sát	2
1.2.2. Đánh giá nhu cầu	5
2. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Hoa Sen	6
2.1. Tổng quan.....	6
2.1.1. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển	6
2.1.2. Tổ chức bộ máy	7
2.1.3. Đội ngũ nhân sự.....	8
2.1.4. Ngành đào tạo và quy mô đào tạo	9
2.1.5. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.....	16
2.2. Công tác ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo.....	17
2.2.1. Hạ tầng kỹ thuật.....	17
2.2.2. Ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh	19
2.2.3. Ứng dụng CNTT trong công tác đào tạo	20
2.2.4. Ứng dụng CNTT trong công tác khảo thí.....	20
2.2.5. Ứng dụng CNTT trong công tác xét tốt nghiệp và cấp bằng.....	21
3. Kế hoạch triển khai các CTĐT từ xa	21
3.1. Các ngành đào tạo từ xa và chỉ tiêu tuyển sinh.....	21
3.1.1. Ngành đào tạo	21
3.1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh.....	21
3.2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng	22
3.2.1. CTĐT/ĐCMH.....	22
3.2.2. Đội ngũ giảng viên	22
3.2.3. Cơ sở vật chất – Trang thiết bị - Thư viện - Học liệu.....	27
3.3. Tổ chức đào tạo	31
3.3.1. Đơn vị quản lý chuyên trách.....	31
3.3.2. Tổ chức giảng dạy	32

3.3.3. Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học phần.....	32
3.3.4. Tổ chức xét tốt nghiệp, cấp bằng.....	33
4. Cam kết và đề nghị	33
4.1. Cam kết	33
4.2. Đề nghị	33
Phụ lục 1: Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.....	35
Phụ lục 2: Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.....	41
Phụ lục 3: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin.....	50
Phụ lục 4: Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế	58
Phụ lục 5: Các Nghị quyết, Quyết định.....	65

1. Sự cần thiết xây dựng Đề án Đào tạo từ xa

1.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội

1.1.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội

Cách mạng công nghiệp 4.0 kéo theo sự thay đổi về mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, đồng thời đặt ra thách thức lớn cho thị trường lao động đã qua đào tạo và các trường học. Lĩnh vực giáo dục được đặt trước tình thế bắt buộc phải thay đổi để thích ứng và phát triển. Cùng với sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, công nghệ và xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu, nhu cầu học tập của người học tăng nhanh đòi hỏi ngành giáo dục đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng phải phát triển các phương thức đào tạo đa dạng, linh hoạt và hiện đại. Trong bối cảnh này, đào tạo từ xa đã và đang là giải pháp toàn cầu và là sự lựa chọn của đông đảo người học trên khắp thế giới vì công cụ Internet đã trở nên phổ biến để rút ngắn và hóa giải dần khoảng cách giữa người học và người dạy, giữa cơ sở giáo dục và khách hàng. Tại Việt Nam, Quyết định của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Đào tạo từ xa giai đoạn 2015-2020 đã khích lệ và tạo đà cho nhiều cơ sở giáo dục đại học tổ chức và vận hành hiệu quả mô hình đào tạo từ xa, gặt hái được khá nhiều thành công, thu hút được hàng chục ngàn sinh viên theo học, tốt nghiệp và có việc làm ổn định. Trước tình hình đại dịch COVID-19 còn đang hoành hành như hiện nay, khi thế giới còn chưa có giải pháp tuyệt đối để ngăn chặn hoàn toàn, đào tạo từ xa tiếp tục trở thành phương thức đào tạo cần thiết và phổ biến, đồng thời được dự báo là có triển vọng nhất của thế kỷ 21. Loại hình này đã góp phần hình thành một xu hướng phổ cập giáo dục mới, cung cấp cơ hội học tập hiệu quả, nâng cao trình độ học vấn, mở rộng hiểu biết, cải thiện chuyên môn, nghiệp vụ và khả năng nghiên cứu khoa học cho các đối tượng có nhu cầu nhưng không có điều kiện theo học tập trung tại các cơ sở đào tạo. Trên bình diện toàn cầu, nhu cầu học tập dường như vô tận, và những cách tiếp cận giàu tính sáng tạo sẽ tiếp tục được phát triển. Đào tạo từ xa cung cấp một hướng đi mới, để có thể vừa phát triển song song, vừa tích hợp ở những mức độ khác nhau với những chương trình đào tạo tại trường. Các trường đại học khi tham gia đào tạo từ xa đã có động lực rõ ràng hơn, phần đầu tích hợp đào tạo từ xa vào chiến lược quốc tế hóa và hướng đến đáp ứng nhu cầu toàn cầu. Vấn đề này đòi hỏi sự cam kết và đầu tư dài hạn, ưu tiên phát triển thị trường, phát triển các chương trình và phương thức triển khai liên quan, cung cấp các môn học chuyên ngành với sự công nhận nghề nghiệp, phát triển những quan hệ đối tác quốc tế mà có thể khai thác thế mạnh của cả hai bên, và rập nối chương trình đào tạo từ xa với những chương trình đào tạo tại trường để tăng

thêm cơ hội chuyển tiếp cho sinh viên. Là một thực thể trong toàn bộ hệ thống giáo dục đại học, Trường Đại học Hoa Sen không thể nằm ngoài xu thế phát triển này.

1.1.2. Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2025

Là một trong những trường đại học có nền tảng và uy tín về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn TP. HCM và các tỉnh lân cận, hiện nay, Trường đã tích lũy đủ năng lực và điều kiện để duy trì chất lượng các chương trình đào tạo hiện có và đăng ký đào tạo các chương trình đào tạo mới ở bậc đại học và sau đại học. Trong chiến lược 05 năm phát triển giai đoạn 2020-2025, ngoài các dự án tăng cường năng lực và mở rộng quy mô đào tạo, Trường còn có kế hoạch xây dựng và triển khai phương thức đào tạo từ xa một số ngành hiện hữu nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, góp phần xây dựng xã hội học tập linh hoạt theo xu hướng hội nhập với Khu vực và thế giới. Để hiện thực hóa định hướng chiến lược nêu trên, ngày 21/06/2021, Hội đồng trường đã ra Nghị quyết số 1247/NQ-HĐT (đính kèm) thông qua việc mở ngành đào tạo.

1.2. Khảo sát, đánh giá nhu cầu

1.2.1. Kết quả khảo sát

Để có cơ sở triển khai và đưa ra các chính sách phù hợp giúp kế hoạch Đào tạo từ xa của trường đạt được chất lượng và hiệu quả mong muốn, Ban Dự án Đào tạo từ xa đã thực hiện khảo sát các đơn vị sử dụng lao động (doanh nghiệp) và các đối tượng là học sinh phổ thông trung học, sinh viên các trường đại học và giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục nhằm thu thập thông tin về nhu cầu xã hội, hiện trạng và mong đợi của người học đối với phương thức đào tạo này, từ đó đưa ra được những đề xuất phù hợp để nhà trường xem xét, nghiên cứu và vận dụng trong quá trình triển khai và quản lý các hoạt động Đào tạo từ xa của nhà trường. Ban Dự án đã thực hiện khảo sát bằng cách gửi Google form soạn sẵn cho các đối tượng tham gia khảo sát, bảng hỏi được thiết kế theo dạng câu hỏi đóng và câu hỏi mở nhằm tạo thuận tiện cho người tham gia khảo sát trong việc cung cấp thông tin đồng thời tiết kiệm thời gian cho các bên. Kết cấu và nội dung của Phiếu Khảo sát được bố cục thành 03 phần chính gồm: Thông tin đối tượng được khảo sát; Nhận xét về nhu cầu của xã hội đối với phương thức Đào tạo từ xa và Nhận xét về thực trạng chất lượng các chương trình Đào tạo từ xa hiện nay (về cơ sở vật chất-trang thiết bị, học liệu, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, khó khăn và thuận lợi). Sau khi thực hiện lấy ý kiến thông qua các Bảng hỏi, quy trình phân tích được diễn ra một cách khách quan, chính xác.

Công tác khảo sát nhằm đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- a. Thu thập ý kiến đánh giá về nhu cầu cũng như mức độ quan tâm của xã hội (học sinh, sinh viên, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục) đối với phương thức Đào tạo từ xa;
- b. Thu thập ý kiến đánh giá về chất lượng và mức độ hiệu quả của các chương trình Đào tạo từ xa hiện nay từ góc nhìn của các nhà tuyển dụng và sử dụng lao động (về thái độ, kiến thức, kỹ năng của sinh viên tốt nghiệp các chương trình Đào tạo từ xa, khả năng đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp, ...);
- c. Thu thập ý kiến đánh giá của xã hội và các nhà chuyên môn về những khuyến nghị cần thiết nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo từ xa, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội về phương thức đào tạo này;
- d. Thu thập các ý kiến đánh giá của các nhà quản lý, sử dụng lao động về nhu cầu tuyển dụng làm cơ sở cho việc định hướng chỉ tiêu cho các chương trình đào tạo từ xa.

Tổng hợp nội dung thông tin thu thập được từ các phiếu trả lời khảo sát:

Xét trên góc độ tỷ lệ thu hồi phiếu khảo sát và phương pháp thực hiện cũng như kết quả phân tích dữ liệu khảo sát, có thể nói kết quả khảo sát đã đáp ứng được phần nào mong đợi của các thành viên trong Ban Dự án. Có thể nêu tóm tắt một số ý chính như sau: Kết quả khảo sát cho thấy một vài thông số tích cực như có tới gần 70% đối tượng được khảo sát cho rằng Đào tạo từ xa là hình thức học tập phổ biến trong tương lai, xem việc phát triển đào tạo từ xa là phương tiện hữu hiệu để các cơ sở giáo dục đại học gia tăng đối tượng và địa bàn tuyển sinh, chưa kể còn có nhiều ý kiến cho rằng trong đào tạo từ xa, quan hệ đối tác là rất quan trọng, một đối tác địa phương mạnh có thể hỗ trợ rất nhiều trong giảng dạy, marketing và tuyển sinh. Có nhiều lý do cho phép lạc quan về đào tạo từ xa vì đào tạo từ xa có thể mang đến nhiều lựa chọn hơn cho người học, chương trình đào tạo được tổ chức linh hoạt phù hợp với công việc và gia đình, phù hợp với mọi nền tảng kinh tế, tạo cơ hội học tập bình đẳng cho mọi người, không phân biệt khoảng cách địa lý, người học có thể có cơ hội được nhận bằng cấp quốc tế đảm bảo chất lượng và chứng nhận nghề nghiệp. Về cơ bản, đây là hình thức đào tạo cần được ưu tiên nghiên cứu và đầu tư phát triển hơn nữa. Tuy nhiên, bên cạnh những ý kiến cho rằng học từ xa giúp người học cải thiện và nâng cao kỹ năng tiếp cận công nghệ thông tin, rèn tính chủ động trong việc học, vẫn còn nhiều ý kiến khẳng định rằng đào tạo từ xa sẽ vẫn phải đối mặt với những thách thức như: sự thiên vị về văn hóa bằng cấp, các chương trình dạy tập trung tại trường vẫn được ưu tiên hơn, cạnh tranh từ các trường đào tạo cùng lĩnh vực, giả mạo về thương hiệu, bằng cấp làm giảm uy tín các

cơ sở giáo dục đại học đào tạo có chất lượng ... và còn gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục công nhận quốc gia đối với bằng cấp đào tạo từ xa do các cơ sở giáo dục nước ngoài cấp. Trên thực tế, đào tạo từ xa bộc lộ khá nhiều hạn chế, nhược điểm như thực hành thí nghiệm không được thuận lợi như đào tạo truyền thống, rèn luyện kỹ năng bị hạn chế vì tồn tại khoảng cách giữa người dạy và người học, hạ tầng công nghệ, giáo trình, thói quen của người học, kỹ năng tiếp cận công nghệ của giảng viên, tài liệu học tập bị sao chép... Thêm vào đó, còn một hạn chế rất lớn là tính thiếu chủ động trong học tập của người học, trong khi học tập từ xa đòi hỏi người học phải có tính độc lập và tự giác cao. Bên cạnh đó, thói quen chuộng bằng cấp hệ chính quy cũng ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của phương thức đào tạo từ xa. Việc thúc đẩy sự phát triển của phương thức đào tạo này còn phụ thuộc rất lớn vào các yếu tố về hạ tầng kỹ thuật công nghệ và chính sách chất lượng. Giảng viên cũng phải được trang bị kỹ năng công nghệ và phương pháp sư phạm phù hợp, đảm bảo xây dựng nội dung học liệu chất lượng. Ngoài ra, còn khá nhiều phiếu trả lời khảo sát của các bạn học sinh phổ thông, giảng viên đại học cho rằng hầu hết học sinh sinh viên ưa thích trải nghiệm học tập tại trường hơn là học từ xa. Những yếu tố khiến cho trải nghiệm học tập tại trường được ưa thích hơn là vì chúng ngụ ý về sự tương tác trực diện giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với nhau và giữa sinh viên với nhà tuyển dụng và các đối tác. Có tới gần 80% sinh viên và giảng viên cho rằng việc học từ xa có hiệu quả thấp hơn so với học truyền thống (học tập trung trên lớp). Hình thức học này còn hạn chế sự tương tác và trao đổi giữa người học và người dạy dẫn đến dễ nhầm lẫn.

Đối với các ý kiến, khuyến nghị nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo từ xa, đa số các ý kiến đưa ra đều thể hiện sự đồng thuận với những giải pháp định hướng đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đó là: giảm bớt thời lượng lý thuyết, tăng thời lượng thực tế của các môn học, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tạo điều kiện cho sinh viên được chủ động hơn trong quá trình học tập và tiếp nhận thông tin đa chiều trong các vấn đề học thuật, tăng cường bồi dưỡng kiến thức tin học và ngoại ngữ bằng nhiều hình thức khác nhau. Đa số giảng viên và các cán bộ quản lý giáo dục đều đồng tình với quan điểm để nâng cao chất lượng đào tạo từ xa, đáp ứng yêu cầu hội nhập trong thời gian tới, nhà trường cần chuẩn bị các phương án tăng cường đầu tư về cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học, phát triển kho học liệu, giáo trình, ngân hàng đề thi, cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp của giảng viên, nhân viên trong các khâu của quá trình đào tạo, làm tốt công tác tuyển sinh, thực hiện nghiêm chỉnh học thuật, chống tiêu cực trong

thi cử và làm luận văn cuối khoá, chú ý bồi dưỡng và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trong quá trình học tập. Đặc biệt, có một số ý kiến của đại diện các doanh nghiệp đề xuất liên quan đến việc đào tạo từ xa đáp ứng nhu cầu xã hội trên cơ sở ký kết hợp đồng giữa nhà trường với các đơn vị sử dụng lao động theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp sẽ cùng tham gia đào tạo tại chỗ một số kỹ năng thuộc thể mạnh của đơn vị và hướng dẫn trong thời gian sinh viên thực tập.

Tóm lại, kết quả của cuộc khảo sát là một căn cứ quan trọng để nhà trường xem xét, đánh giá và khẳng định sự đúng đắn, phù hợp của kế hoạch triển khai và phương án duy trì chất lượng các chương trình đào tạo từ xa của trường theo triết lý đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Ban Dự án không dám khẳng định các dữ liệu thu thập được trong cuộc khảo sát này là kỳ vọng chuẩn của các giá trị có liên quan vì mẫu điều tra có thể chưa phải là mẫu đại diện tốt nhất gần với mẫu tổng thể. Hơn nữa các giá trị thu thập được có thể có những sai lệch nhất định do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan trong đó có nguyên nhân về trình độ nhận thức, quan điểm và sự hiểu biết chuyên môn cũng như ý thức trách nhiệm của người được khảo sát đối với vấn đề được hỏi, và vì vậy có thể vẫn cần những nghiên cứu khác sâu hơn trong thời gian tới.

1.2.2. Đánh giá nhu cầu

Đào tạo từ xa là một xu thế phát triển không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới, hướng tới xã hội học tập, nó giúp giải quyết nhiều vấn đề khó khăn khi người học không có điều kiện để học trực tiếp tại cơ sở đào tạo. Đây là điều mà các phương pháp giáo dục truyền thống không có được. Tuy nhiên, để phát triển hình thức đào tạo này, đòi hỏi cần có sự phối hợp làm tốt các giải pháp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng, các trường đại học, đội ngũ giảng viên và ý thức, trách nhiệm của người học. Trên toàn cầu nhu cầu học tập dường như vô tận, và những cách tiếp cận giàu tính sáng tạo sẽ tiếp tục được phát triển. Đào tạo từ xa cung cấp một hướng đi mới, để có thể vừa phát triển song song, vừa tích hợp ở những mức độ khác nhau với những chương trình đào tạo tại trường. Các trường đại học khi tham gia đào tạo từ xa cần có động lực rõ ràng, tích hợp đào tạo từ xa vào chiến lược quốc tế hóa và hướng đến đáp ứng nhu cầu toàn cầu. Việc này đòi hỏi sự cam kết và đầu tư dài hạn, ưu tiên phát triển thị trường, phát triển các chương trình và phương thức triển khai liên quan, cung cấp các môn học chuyên ngành với sự công nhận nghề nghiệp, phát triển những quan hệ đối tác quốc tế có thể khai thác thế mạnh của cả hai bên, và ráp nối chương trình đào tạo từ xa với những chương trình đào tạo tại trường để tăng thêm cơ hội chuyển tiếp cho người học.

Bất kỳ một hình thức đào tạo nào cũng cần lấy người học làm trung tâm, theo đó người học là yếu tố đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển các khóa đào tạo từ xa. Tất cả mọi khía cạnh được thiết kế và phát triển phải được thực hiện xoay quanh chủ thể quan trọng nhất là người học. Một trong những bước đầu tiên trong quá trình thiết kế và xây dựng các chương trình đào tạo từ xa là phải tiến hành phân tích người học sao cho đáp ứng được nhu cầu, kỳ vọng của họ, đảm bảo các khả năng học tập, thỏa mãn các điều kiện tiên quyết cũng như có đủ các chế tài để xử lý, nhắc nhở người học tránh vi phạm quy định.

Hình thức đào tạo từ xa đã và đang được các trường đại học quan tâm phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của mọi đối tượng. Tuy nhiên, từ những hạn chế trong quá trình triển khai, thực tiễn đòi hỏi cần phải có những quy định rõ ràng hơn đối với hình thức đào tạo này, nhất là các chuẩn trong kiểm định chất lượng đào tạo, đảm bảo chất lượng đầu ra, xóa bỏ sự phân biệt đối xử giữa bằng cấp của loại hình đào tạo này với bằng cấp của loại hình đào tạo chính quy tập trung. Phát triển đào tạo từ xa là một thách thức lớn cho các trường đại học, không chỉ là vấn đề đầu tư nguồn lực mà còn là sự thay đổi trong quan niệm của xã hội về loại hình đào tạo này. Phương pháp giảng dạy, khả năng tiếp cận công nghệ của giảng viên và năng lực quản lý, lãnh đạo của nhà trường cũng là các “rào cản” đáng kể trong việc thu hút được đông đảo người học.

2. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Hoa Sen

2.1. Tổng quan

2.1.1. Tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển

Tên trường: Trường Đại học Hoa Sen

(Tên tiếng Anh: Hoa Sen University. Tên viết tắt: HSU)

Mã trường (dùng cho tuyển sinh): HSU

Trụ sở chính: 08 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 73091991

Fax: (028) 39257851

Email: tuyensinh@hoasen.edu.vn

Website: www.hoasen.edu.vn

Trường Đại học Hoa Sen thể hiện tính chủ động của tư thực, đồng thời nêu cao tinh thần một đại học nhân văn và nhân bản trong tầm nhìn, sứ mạng và thực tiễn đào tạo, nghiên cứu, phục vụ.

Tiền thân của Trường Đại học Hoa Sen là Trường Nghiệp vụ Tin học và Quản lý Hoa Sen, được thành lập năm 1991 với nhiệm vụ thử nghiệm mô hình đào tạo mới ở bậc học Kỹ thuật viên và Kỹ thuật viên cao cấp. Sau thời gian tự khẳng định về chất lượng đào tạo, ngày 11/10/1994, trường chuyển thành trường Cao đẳng bán công Hoa Sen, tự chủ tài chính. Năm học 2004-2005, Trường triển khai dự án phát triển Trường Cao đẳng bán công Hoa Sen thành Trường Đại học Hoa Sen, hoạt động theo cơ chế tư thực. Đến ngày 30/11/2006, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng đã đồng ý và ký quyết định số 274/2006/QĐ - TTg thành lập trường Đại học Hoa Sen. Trường chính thức hoạt động giáo dục đại học theo cơ chế tư thực, Điều lệ trường đại học và Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

Năm 2015, Trường trở thành đại học đầu tiên ở Việt Nam có 5 chương trình đào tạo được tổ chức ACBSP công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Năm ngành này đều trực thuộc khoa Kinh tế và Quản trị, bao gồm: Marketing, Quản trị Kinh doanh, Quản trị Nhân lực, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng.

Năm 2019, Ngành Ngôn Ngữ Anh và Quản trị khách sạn của Trường được công nhận đạt chuẩn AUN-QA của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á.

Năm 2020, Trường chính thức nhận Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn mới của Bộ GD&ĐT và trở thành đại học ngoài công lập tiếp theo đạt chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục.

Năm 2021, Ngành Công nghệ thông tin, Thiết kế nội thất và Quản trị nhà hàng – dịch vụ ăn uống được công nhận chuẩn AUN-QA của mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á.

2.1.2. Tổ chức bộ máy

Bộ máy tổ chức nhà trường được cơ cấu theo chức năng, bao gồm: Hội đồng Trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Ban Giám hiệu, các khoa chuyên môn, các phòng ban và các Trung tâm, Viện. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể: Đảng ủy, Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, cũng là một trong các thế mạnh của trường trong suốt quá trình hình thành và phát triển.

2.1.3. Đội ngũ nhân sự

Trong sự nghiệp giáo dục, Trường Đại học Hoa Sen luôn xác định mục tiêu “lấy người học làm trung tâm nhằm cung cấp cho xã hội và doanh nghiệp nguồn nhân lực có phẩm chất Trung thực - Chất lượng - Hội nhập”. Với mục tiêu đó, nhà trường đặc biệt chú trọng đến chất lượng của đội ngũ giảng viên và hệ thống hạ tầng hỗ trợ việc giảng dạy và học tập, trong đó có các chính sách nổi bật như: Khuyến khích giảng viên nghiên cứu khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ; Hợp tác với các cơ quan, tổ chức Việt Nam và nước ngoài trong việc thực hiện các công trình nghiên cứu, các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế; Phát triển năng lực nghiên cứu nội tại, nâng cao trình độ chuyên môn, tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế nhằm tạo sự công nhận của cộng đồng học thuật thế giới.

Giảng viên cơ hữu của trường phần lớn được đào tạo từ các trường đại học tiên tiến trên thế giới, có trình độ chuyên môn cao, nhiều năm kinh nghiệm thực tiễn và giàu lòng yêu nghề, đảm bảo cung cấp nhiều kiến thức, kỹ năng và cơ hội trải nghiệm thực tế cho sinh viên trong quá trình giảng dạy. Số giảng viên là người nước ngoài có trình độ chuyên môn giỏi cũng được quan tâm tuyển dụng nhằm đa dạng hóa và tăng cường chất lượng đội ngũ. Với chính sách không ngừng cập nhật, bổ sung, hoàn thiện phương pháp dạy – học cho phù hợp với bối cảnh và tốc độ phát triển của khoa học công nghệ, sẵn sàng ứng phó với những thay đổi mang tính bước ngoặt, từ tháng 01/2019, Trường đã đầu tư xây dựng hạ tầng CNTT và Hệ thống dạy học online bài bản. Các giảng viên của trường đều được tập huấn E-learning cơ bản trên hệ thống <istudy.edu.vn> và được cấp chứng nhận online. Đến tháng 9/2019, nhà trường đã bắt đầu triển khai E-learning ở các khoa và khuyến khích tất cả cán bộ, nhân viên các phòng ban chức năng đăng ký tham gia. Nhờ vậy, trong đại dịch Covid-19, các campus đều đóng cửa khi Thành phố thực hiện giãn cách xã hội nhưng hoạt động đào tạo của nhà trường vẫn diễn ra bình thường, hầu hết giảng viên đã nhanh chóng thích nghi với điều kiện giảng dạy online, kịp thời điều chỉnh đề cương môn học cho phù hợp với hình thức đào tạo trực tuyến, duy trì chất lượng và ổn định được tình hình sinh viên.

Tính đến tháng 10/2021, Trường Đại học Hoa Sen có 657 giảng viên, trong đó có 382 giảng viên cơ hữu (kể cả hợp đồng dài hạn và kiêm nhiệm cán bộ quản lý), và 275 giảng viên thỉnh giảng. Về cơ cấu, trong số 382 giảng viên cơ hữu, có 01 giảng viên có học hàm Giáo sư, 09 giảng viên có học hàm Phó Giáo sư, 56 giảng viên có học vị tiến sĩ và 282 giảng viên có học vị thạc sĩ. Như vậy, tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ Thạc sĩ trở lên là 91,1%, trong đó trình độ Tiến sĩ trở lên chiếm trên 17,3%. Ngoài ra, trường hiện có 22 giảng viên cơ hữu đang theo học chương trình đào tạo tiến

sĩ trong và ngoài nước bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc tự túc. Các giảng viên đi học tiến sĩ đều được Trường hỗ trợ về kinh phí, bảo hiểm, hoặc hỗ trợ thời gian học theo qui định của trường.

Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng của Trường gồm các chuyên gia, nhà quản lý giỏi đến từ các cơ quan, doanh nghiệp trong và ngoài nước, có kiến thức chuyên môn vững vàng và kinh nghiệm thực tế phong phú, giúp sinh viên có cơ hội học tập và làm việc trong môi trường chuyên nghiệp thông qua các dự án thực hành sáng tạo, được lựa chọn và thiết kế một cách bài bản, gắn liền kiến thức lý thuyết được trang bị với thực tế ngành nghề đang theo đuổi ngay trong quá trình học tại trường.

2.1.4. Ngành đào tạo và quy mô đào tạo

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
I	Chính quy								
1	Sau đại học								
1.1	Tiến sĩ								
1.2	Thạc sĩ								
1.2.1	Ngôn ngữ Anh							0	
1.2.2	Quản trị kinh doanh			0					
2	Đại học								
2.1	Chính quy		841	6601		1489		3200	12131
2.1.1	Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên								
2.1.1.1	Quản trị kinh doanh			1449					1449

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
2.1.1.2	Marketing			1367					1367
2.1.1.3	Tài chính - Ngân hàng			471					471
2.1.1.4	Kế toán			252					252
2.1.1.5	Quản trị nhân lực			438					438
2.1.1.6	Thiết kế đồ họa		550						
2.1.1.7	Thiết kế thời trang		201						
2.1.1.8	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng					451			451
2.1.1.9	Công nghệ thực phẩm					76			76
2.1.1.10	Ngôn ngữ Anh							1234	1234
2.1.1.11	Tâm lý học							229	229
2.1.1.12	Nhật Bản học							38	38
2.1.1.13	Kinh doanh quốc tế			1230					1230
2.1.1.14	Bảo hiểm								
2.1.1.15	Quản trị văn phòng								
2.1.1.16	Thiết kế nội thất					167			167

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
2.1.1.17	Quản lý tài nguyên và môi trường								
2.1.1.18	Quản trị công nghệ truyền thông			698					698
2.1.1.19	Hoa Kỳ học								
2.1.1.20	Nghệ thuật số		71						
2.1.1.21	Quản trị sự kiện			183					183
2.1.1.22	Phim		19						
2.1.1.23	Bất động sản			26					26
2.1.1.24	Thương mại điện tử			44					44
2.1.1.25	Digital Marketing			290					290
2.1.1.26	Luật kinh tế			57					57
2.1.1.27	Luật quốc tế			22					22
2.1.1.28	Quan hệ công chúng							60	60
2.1.2	Các ngành đào tạo ưu tiên								

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
2.1.2.1	Hệ thống thông tin quản lý			74					74
2.1.2.2	Công nghệ thông tin					609			609
2.1.2.3	Quản trị nhà hàng và Dịch vụ ăn uống							513	513
2.1.2.4	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu					51			51
2.1.2.5	Kỹ thuật phần mềm					135			135
2.1.2.6	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành							335	335
2.1.2.7	Quản trị khách sạn							791	791
2.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy								

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
2.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy								
2.4	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên								
3	Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non								
3.1	Chính quy								

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
3.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng chính quy								
3.3	Đào tạo chính quy đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng								
II	Vừa làm vừa học								
1	Đại học								
1.1	Vừa làm vừa học								
1.2	Liên thông từ trung cấp lên đại học vừa làm vừa học								

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
1.3	Liên thông từ cao đẳng lên đại học vừa làm vừa học								
1.4	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên								
2	Cao đẳng ngành giáo dục mầm non								
2.1	Vừa làm vừa học								

STT	Loại chỉ tiêu	Khối ngành đào tạo							Tổng
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI	Khối ngành VII	
2.2	Liên thông từ trung cấp lên cao đẳng Vừa làm vừa học								
2.3	Đào tạo vừa làm vừa học đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng								

2.1.5. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

Trường Đại học Hoa Sen có trụ sở chính tại số 08 Nguyễn Văn Tráng, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 04 cơ sở đào tạo với phương tiện, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên:

- Cơ sở Cao Thắng: 93 Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở Quang Trung 1: Đường số 5, Công viên Phần mềm Quang Trung, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở Quang Trung 2: Đường số 3, Công viên Phần mềm Quang Trung, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
- Cơ sở Thành Thái: 7/1 Thành Thái, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Đồng thời, cũng theo chiến lược phát triển cơ sở vật chất giai đoạn 2021-2025, Cơ sở Quang Trung 2 đã được Chủ đầu tư (Tập đoàn Giáo dục Nguyễn Hoàng) dành nhiều thời gian nghiên cứu, thiết kế nhằm đảm bảo việc quy hoạch cơ sở hạ tầng đáp ứng được tốt nhất các tiêu chí phát triển trong tương lai.

Ngoài ra, công tác cải thiện chất lượng, tính năng của cơ sở vật chất hiện có và thiết kế nền tảng kỹ thuật đáp ứng phương thức đào tạo trực tuyến cũng được Nhà trường quan tâm đặc biệt nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi trong công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu, phát triển nghề nghiệp cho giảng viên, nhân viên và sinh viên trong giai đoạn đón đầu và thích ứng với thời kỳ cách mạng 4.0.

Là thành viên của Liên hiệp Thư viện về Chia sẻ Nguồn Tài liệu Điện tử và Hội Thư viện Việt Nam, hiện nay thư viện của Trường đã phát triển được hệ thống nguồn lực thông tin phong phú về loại hình, đa dạng về nội dung. Bên cạnh chú trọng đẩy mạnh bổ sung tài liệu thuộc nhiều chuyên ngành đào tạo tại trường, thư viện còn bổ sung thêm một số chủ đề khác, đáp ứng nhu cầu đa dạng của bạn đọc.

2.2. Công tác ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo

2.2.1. Hạ tầng kỹ thuật

- a) Phòng kỹ thuật đủ diện tích để lắp đặt các thiết bị của hệ thống đào tạo từ xa, hệ thống máy chủ đảm bảo quá trình đào tạo từ xa diễn ra một cách liên tục, không bị gián đoạn. Các máy chủ phục vụ E-Learning được hosting trên hệ thống Cloud với cấu hình như sau:

Hệ thống	Cấu hình
Firewall	<ul style="list-style-type: none"> • 04 vCPU • 06 GB RAM • 40GB SSD
Active Directory Controller (ADC)	<ul style="list-style-type: none"> • 02 vCPU • 06 GB RAM • 40GB SSD
E-Learning Web	<ul style="list-style-type: none"> • 18 vCPU • 80 GB RAM • 2000GB SSD
Database	<ul style="list-style-type: none"> • 18 vCPU • 100 GB RAM • 200GB SSD

b) Có đầy đủ các thiết bị cần thiết phục vụ cho phương thức đào tạo từ xa: phòng studio, các thiết bị đầu cuối (người dùng), mạng truyền thông.

- Trường đại học Hoa Sen đã trang bị một phòng quay studio với đầy đủ các thiết bị nghe nhìn mới nhất để sản xuất học liệu số. Bên cạnh phòng studio được quản lý bởi các chuyên viên và giảng viên có trình độ cao giúp tạo ra được các sản phẩm chất lượng cao.

- Với phòng thu đầy đủ thiết bị nghe nhìn sẽ đáp ứng được nhu cầu sản xuất các chương trình học liệu số cho các chương trình đào tạo cử nhân trực tuyến.

c) Trường có đầy đủ hệ thống kỹ thuật hỗ trợ thực hiện đào tạo từ xa:

Hệ thống quản lý dữ liệu đào tạo

- Hệ thống quản lý sinh viên sử dụng tại trường đại học Hoa Sen là phần mềm ERP của công ty phần mềm Oracle. Hệ thống này cung cấp tất cả các nghiệp vụ quản lý của trường đại học.

- Thông tin truy cập: <https://htttql.hoasen.edu.vn>

- Hệ thống này cũng được triển khai trên hệ thống Mobile trên các áp dụng Android và iOS giúp học viên và giảng viên truy cập thông tin dễ dàng nhanh chóng.

- Hệ thống quản lý dữ liệu sinh viên bao gồm các chức năng như: Quản lý thông tin sinh viên; Quản lý điểm; Đăng ký môn học; Quản lý học phí; Quản lý chương trình đào tạo... Ngoài ra, hệ thống cung cấp đầy đủ các hệ thống báo cáo tương ứng với các chức năng để giúp cấp quản lý, giảng viên, sinh viên theo dõi thông tin thuận tiện.

- Hệ thống này luôn được nâng cấp và tùy biến theo yêu cầu nghiệp vụ phát sinh với đội ngũ phát triển trên 15 nhân viên chuyên ngành phần mềm và mạng máy tính.

Hệ thống quản lý học tập (LMS)

- Hệ thống quản lý học tập trường đại học Hoa Sen hiện nay đang sử dụng là hệ thống Moodle – hệ thống mã nguồn mở. Đây là hệ thống được sử dụng nhiều nhất với số lượng cộng đồng rất lớn và rất nhiều người tham gia xây dựng và phát triển hệ thống.

- Cổng thông tin hệ thống thông tin quản lý học tập <https://mlearning.hoasen.edu.vn>. Hệ thống này được nhà trường triển khai lên trên hệ thống Cloud nên bảo đảm tính thông suốt, trơn tru, ổn định, nâng cấp mở rộng dễ dàng, và bảo mật cao.

- Nhà trường cũng đã tích hợp hệ thống E-Learning với một số module trong hệ thống Quản lý dữ liệu đào tạo.

- Hiện nay hệ thống E-Learning đang phục vụ 25.000 người dùng là quản lý, giảng viên, sinh viên; số lượng khóa học trên 10.300.
- Hệ thống E-Learning cũng tích hợp với hệ thống quản lý nội dung video nhằm bảo đảm việc chống sao chép, bảo vệ quyền tác giả. Đây là một trong những tính năng nổi bật của hệ thống E-Learning của trường đại học Hoa Sen.
- Về việc dạy trực tuyến thông qua Video conferencing hiện nay nhà trường đang sử dụng trên hai (02) nền tảng cơ bản MS Team và Big Blue Button – do chính trường đại học Hoa Sen triển khai. Các nền tảng này đáp ứng được việc giảng dạy trên 4.000 người dùng tại một thời điểm.
- Việc kiểm tra đánh giá kiến thức bài học được thực hiện online với nhiều kiểu hình thức đánh giá khác nhau như: Multiple choice, Matching, Short answer, Drag and Drop text, Ordering, Gap... Kết quả này thu hút được sự hứng thú cao từ học viên và nâng cao chất lượng đào tạo. Giúp tiết kiệm tài nguyên rất lớn trong việc xây dựng các bài đánh giá kiểm tra kiến thức của môn học. Nhà trường cũng tích hợp hệ thống ứng dụng chống đạo văn vào trong hệ thống E-Learning nhằm ngăn chặn và phát hiện kết quả bài báo cáo, bài luận không trung thực.
- Giảng viên toàn trường (cơ hữu và thỉnh giảng) đều đã được tập huấn Thiết Kế và Xây Dựng khóa học trên nền tảng E-Learning. Giảng viên cũng được huấn luyện phương pháp giảng dạy thông qua Video Conferencing hiệu quả. Số lượng giảng viên đã được huấn luyện trên 600. Đối với sinh viên nhà trường đã xây dựng cẩm nang sử dụng E-Learning nhằm giúp sinh viên sử dụng hiệu quả và thành thạo hệ thống E-Learning.

2.2.2. Ứng dụng CNTT trong công tác tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển sẽ đăng ký xét tuyển trên website: <http://xettuyen.hoasen.edu.vn>, thí sinh điền tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến yêu cầu xét tuyển. Sau đó, thí sinh nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại trường.
- Thông tin thí sinh đăng ký trên web sẽ được lưu trữ trên phần mềm ERP, trường sẽ kiểm tra và xét tuyển trên hệ thống và thông báo trúng tuyển trên website: <http://ketquaxettuyen.hoasen.edu.vn>
- Thí sinh sau khi trúng tuyển có nhu cầu nhập học, toàn bộ thông tin được lưu trên phần mềm ERP sẽ được chuyển dữ liệu nhập học.

2.2.3. Ứng dụng CNTT trong công tác đào tạo

- Giảng viên chuẩn bị nội dung bài giảng dưới dạng: video, powerpoint, file .pdf... và tải lên trang Mlearning website <https://mlearning.hoasen.edu.vn> trước ít nhất 1 ngày so với ngày chính thức tổ chức giảng dạy online. Giảng viên tạo lớp học, tạo các hoạt động giảng dạy và giám sát hoạt động của sinh viên trong lớp học như thảo luận, bài tập, nhóm, thuyết trình, ... Tài liệu học tập và tài liệu tham khảo được lưu trên trang Mlearning của trường, sinh viên có thể tham khảo trước buổi học.

- Ngày học chính thức trực tuyến, giảng viên và sinh viên sử dụng email của trường để đăng nhập vào Ms Team để học. Trong lớp học trực tuyến, giảng viên sẽ giảng bài cho sinh viên và giải đáp tất cả các thắc mắc của sinh viên về nội dung chính của bài học, hướng dẫn sinh viên giải quyết bài tập, chia nhóm thảo luận giải quyết vấn đề... Kết thúc buổi dạy/học trực tuyến, giảng viên sẽ bài giảng thành file video và đưa đường link lên trang Mlearning để sinh viên vẫn có thể xem lại bài học bất cứ khi nào trong suốt khóa học.

- Giảng viên thực hiện điểm danh sinh viên trên <http://httqql.hoasen.edu.vn>, sinh viên sẽ xem được thông tin số buổi vắng của mình tại trang: <http://httsv.hoasen.edu.vn>

- Sinh viên có thể nhắn tin cho giảng viên trên <https://mlearning.hoasen.edu.vn>, xem bảng điểm cá nhân, có thể đăng ký nhiều lớp học, khóa học trên <http://httqql.hoasen.edu.vn>

2.2.4. Ứng dụng CNTT trong công tác khảo thí

- Mỗi môn học có ngân hàng câu hỏi. Cuối mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc môn sau khi sinh viên đã học tất cả các nội dung môn học, tham gia thảo luận, làm bài tập, và ôn tập theo hướng dẫn của giảng viên.

- Việc xếp lịch thi thực hiện trên hệ thống quản lý của trường và hoàn thành trước khi bắt đầu thi ít nhất là 2 tuần; phòng đào tạo đại học thực hiện việc xếp lịch thi và tổ chức thi; sinh viên xem lịch bằng tài khoản sinh viên tại trang: <http://httsv.hoasen.edu.vn>

- Giảng viên tạo những yêu cầu đánh giá môn học trên <https://mlearning.hoasen.edu.vn>, sinh viên thực hiện yêu cầu, kết quả được đánh giá và thể hiện trên <https://mlearning.hoasen.edu.vn>, đồng thời, các kết quả đánh giá cũng được cập nhật và quản lý trên phần mềm ERP. Sinh viên xem toàn bộ kết quả đánh giá toàn khóa học trên <http://httsv.hoasen.edu.vn>

- Phần mềm ERP sẽ lưu toàn bộ thông tin trong quá trình học của sinh viên: thông tin cá nhân, điểm số, học phí, chuyên cần...

2.2.5. Ứng dụng CNTT trong công tác xét tốt nghiệp và cấp bằng

- Sinh viên đăng ký xét tốt nghiệp trên trang <http://httsv.hoasen.edu.vn>
- Trường thực hiện thao tác xét tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên dựa trên thông tin trên phần mềm ERP, trên <http://htttql.hoasen.edu.vn>

3. Kế hoạch triển khai các CTĐT từ xa

3.1. Các ngành đào tạo từ xa và chỉ tiêu tuyển sinh

3.1.1. Ngành đào tạo

ST T	Mã Ngành	Tên Ngành	Số QĐ mở Ngành hoặc chuyển đổi tên Ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở Ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ Quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1.	7480201	Công nghệ thông tin	830/QĐ - BGDĐT	12/03/2018		2007	
2.	7340101	Quản trị kinh doanh	830/QĐ - BGDĐT	12/03/2018		2007	
3.	7380107	Luật kinh tế	215/QĐ-ĐHHS	01/02/2021		2021	
4.	7220201	Ngôn ngữ Anh	830/QĐ - BGDĐT	12/03/2018		2007	2019

3.1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Trình độ đào tạo	Mã Ngành	Ngành học	Chỉ Tiêu
1	ĐH	7480201	Công nghệ thông tin	50
2	ĐH	7340101	Quản trị kinh doanh	50
3	ĐH	7380107	Luật Kinh tế	50
4	ĐH	7220201	Ngôn ngữ Anh	50

Trường hợp một phương thức còn thiếu chỉ tiêu do thí sinh nộp hồ sơ chưa đủ, Trường có thể điều chỉnh chỉ tiêu còn thiếu sang phương thức còn lại (đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi, sự công bằng của thí sinh trong đợt xét tuyển).

3.2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng

3.2.1. CTĐT/ĐCMH

Trình độ đào tạo: Đại học (Cử nhân)

Loại hình đào tạo: Từ xa

Phương thức đào tạo: Kết hợp giữa trực tiếp (thi kết thúc học phần) và trực tuyến (giảng dạy, kiểm tra).

Văn bằng cấp: Trường Đại học Hoa Sen cấp

Theo Thông tư số; 10/2017/TT-BGDĐT, ngày 28 tháng 04 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học, nội dung chương trình đào tạo từ xa bao gồm hai khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp. Các học phần của hai khối kiến thức này phải có phải có nội dung, khối lượng và cấu trúc kiến thức giống như các học phần tín chỉ bắt buộc hệ chính quy cùng ngành học của Nhà Trường (Khung chương trình đào tạo của Nhà Trường có phụ lục kèm theo)

Cấu trúc chương trình đào tạo:

- Thời gian đào tạo và khối kiến thức

Thời gian đào tạo: 03 năm

Khối kiến thức: 120 tín chỉ

Khối lượng học phần/tín chỉ không tích lũy: *Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ, Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết.*

3.2.2. Đội ngũ giảng viên

Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học.

Chương trình đào tạo từ xa sử dụng toàn bộ hệ thống giảng viên hiện đang giảng dạy cho hệ chính quy hiện tại của Trường.

Phần lớn các giảng viên cơ hữu của trường được đào tạo từ nước ngoài, giảng dạy theo đúng chuyên ngành đã được đào tạo và luôn sẵn sàng đồng hành cùng sinh viên trong quá trình học tập, nghiên cứu khoa học cũng như tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp. Vì thế, sinh viên Hoa Sen có nhiều thuận lợi khi tiếp xúc với doanh nghiệp cũng như thu hút được sự chú ý của các nhà tuyển dụng. Danh sách giảng viên cơ hữu của trường (tính đến ngày 02/11/2021) theo nhóm ngành được đính kèm theo Đề án tuyển sinh này

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã Ngành	Tên ngành
1	Phan Võ Minh Thắng	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
2	Lê Ngọc Đức	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
3	Nguyễn Minh Cao Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
4	Đinh Thị Lợi	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
5	Bùi Thị Vân Quỳnh	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh (lãnh đạo)		7340101	Quản trị kinh doanh
6	Lê Tấn Lộc	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
7	Đào Thị Ngọc Mai	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh/ Lãnh đạo và quản lý giáo dục		7340101	Quản trị kinh doanh

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã Ngành	Tên ngành
8	La Hoàng Lâm	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh		7340101	Quản trị kinh doanh
9	Nguyễn Thùy Giang	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh (Kinh doanh quốc tế)		7340101	Quản trị kinh doanh
10	Đặng Hoàng Minh Quân	Nam		Thạc sĩ	Kinh tế phát triển		7340101	Quản trị kinh doanh
11	Lê Thị Thiên Hương	Nữ		Tiến sĩ	Vật lý- Toán học		7480201	Công nghệ thông tin
12	Phạm Ngọc Ánh	Nam		Tiến sĩ	Khoa học tự nhiên		7480201	Công nghệ thông tin
13	Nguyễn Phương Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Quản lý điện tử (E-management)		7480201	Công nghệ thông tin
14	Dương Tố Hương	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
15	Nguyễn Thị Thanh	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin (Khoa học máy tính)		7480201	Công nghệ thông tin
16	Nguyễn Thị Thu Dự	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
17	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật (Hệ thống thông tin quản lý)		7480201	Công nghệ thông tin

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã Ngành	Tên ngành
18	Phạm Thị Thanh Tâm	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật		7480201	Công nghệ thông tin
19	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Nữ		Thạc sĩ	Kỹ thuật		7480201	Công nghệ thông tin
20	Bùi Ngọc Lê	Nam		Thạc sĩ	Hệ thống thông tin		7480201	Công nghệ thông tin
21	Tô Minh Thanh	Nữ	PGS	Tiến sĩ	Ngôn ngữ học/ Ngữ văn		7220201	Ngôn ngữ anh
22	Trì Hoàng Đăng	Nam		Tiến sĩ	Ngôn ngữ học		7220201	Ngôn ngữ anh
23	Lê Đào Thanh Bình An	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nước ngoài		7220201	Ngôn ngữ anh
24	Nguyễn Thị Thanh Thế	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		7220201	Ngôn ngữ anh
25	Trần Ngọc Dung	Nữ		Thạc sĩ	Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác		7220201	Ngôn ngữ anh

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã Ngành	Tên ngành
26	Quách Thị Vân Trang	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		7220201	Ngôn ngữ anh
27	Nguyễn Văn Chương	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		7220201	Ngôn ngữ anh
28	Ngô Thị Thanh Thanh	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ học ứng dụng		7220201	Ngôn ngữ anh
29	Lữ Văn Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Ngôn Ngữ Học (Ngôn ngữ ứng dụng)		7220201	Ngôn ngữ anh
30	Nguyễn Ngọc Phương Thành	Nữ		Thạc sĩ	Lý luận và phương pháp dạy học tiếng Anh		7220201	Ngôn ngữ anh
31	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Nữ		Tiến sĩ	Tiến sĩ Luật hôn nhân và gia đình; Thạc sĩ Luật Kinh tế- Quản lý		7380107	Luật kinh tế
32	Đào Duy Tân	Nam		Thạc sĩ	Luật học		7380107	Luật kinh tế

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Chuyên môn được đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh	
							Đại học	
							Mã Ngành	Tên ngành
33	Trần Ngọc Nhã Trân	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế		7380107	Luật kinh tế
34	Trịnh Thị Bích Xuyên	Nữ		Thạc sĩ	Luật học		7380107	Luật kinh tế
35	Phạm Thị Thanh Tuyền	Nữ		Thạc sĩ	Luật học		7380107	Luật kinh tế
36	Võ Thị Ngọc Trân	Nữ		Thạc sĩ	Luật Tư pháp và Khoa học hình sự		7380107	Luật kinh tế
37	Lê Minh Phiếu	Nam		Tiến sĩ	Luật		7380107	Luật kinh tế
38	Nguyễn Tấn Phát	Nam		Tiến sĩ	Luật thương mại		7380107	Luật kinh tế
39	Phạm Việt Anh	Nữ		Tiến sĩ	Luật		7380107	Luật kinh tế
40	Nguyễn Hoàng Long	Nam		Thạc sĩ	Luật tư pháp quốc tế		7380107	Luật kinh tế

3.2.3. Cơ sở vật chất – Trang thiết bị - Thư viện - Học liệu

Trường Đại học Hoa Sen có cơ sở hạ tầng hiện đại tạo môi trường tiện ích cho giảng viên, nhân viên và sinh viên có điều kiện giảng dạy, học tập và làm việc tối ưu.

a) Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng:

- Tổng diện tích đất thuộc sở hữu của Trường: 1,1002 ha
- Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo của Trường: 35,925,0m²
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo của Trường tính trên một sinh viên chính quy là 2,8m²/sinh viên.

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)
1.	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	266	24123
1.1.	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0	0
1.2.	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	32	6752
1.3.	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	86	9374
1.4.	Số phòng học dưới 50 chỗ	145	7395
1.5.	Số phòng học đa phương tiện	3	602
1.6.	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	0	0
2.	Thư viện, trung tâm học liệu	4	1933
3.	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	108	9869

b) Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên	Danh mục các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
1	Phòng thực hành họa thất (2 phòng)	Bàn ghế họa thất, máy chiếu, loa, máy vi tính, bảng, tủ chuyên dùng	
2	Phòng thực hành thiết kế nội thất (2 phòng)	Máy khoan, máy bắn vít, máy cưa lọng, máy cắt bàn, máy mài, máy bơm hơi, máy chiếu, bàn thực hành, tủ chuyên dụng, Ê tô, súng bắn đinh súng bắn hơi	
3	Phòng thực hành máy vi tính (20 phòng)	Máy vi tính, bàn, ghế, bảng	
4	Phòng thực hành giáo dục thể chất (2 phòng)	Trang thiết bị tập võ, bàn tập bóng bàn	

STT	Tên	Danh mục các trang thiết bị chính	Phục vụ Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành đào tạo
5	Phòng thực hành du lịch (1 phòng)	Máy chiếu, bảng, bàn, ghế	
6	Phòng thực hành nhà hàng khách sạn (11 phòng)	Hệ thống bếp, nồi, máy chiếu, giường, tủ, bảng, quầy bar, bàn, ghế	
7	Phòng thí nghiệm khoa học công nghệ (2 phòng)	Bàn thí nghiệm, máy đo bụi, máy đo PH, máy đo độ phèn Jartes, máy lắ, máy ly tâm, máy thổi khí, tủ sấy, cân kỹ thuật, bể cách thủy, GPS, bộ đo đa chỉ tiêu cầm tay, bơm định lượng, bộ bơm - hút chân không, bộ công phá COD, kính hiển vi, Bộ lọc carbon, cân phân tích, cân kỹ thuật, máy bơm, máy quang phổ, máy đo khí hậu, máy đo cường độ âm thanh, Micropipette, máy khuấy từ.	
8	Phòng thực hành thiết kế thời trang (2 phòng)	Máy may, máy vắt sỏ, máy chiếu, Mannequin.	
9	Phòng thực hành truyền thông - nghe nhìn, studio (2 phòng)	Ampli, loa, headphone, máy quay phim, máy chụp hình, máy chiếu, laptop, máy thu âm, bảng, ghế.	
10	Phòng Thực hành máy tính iMmac (2 phòng)	Máy vi tính iMac, máy chiếu, bàn, ghế, bảng.	

c) Số lượng giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử chi tiết như sau:

- Tài liệu giấy: Khoảng 75.000 bản sách, 25 nhan đề báo - tạp chí nội, ngoại văn thuộc nhiều chuyên ngành khoa học.
- Tài liệu điện tử:
 - Ebook: hơn 4.000 tài liệu được thư viện bổ sung từ nhiều nguồn, 80.000 tên sách của IG Publishing và 1.000 tên sách của Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM.
 - Cơ sở dữ liệu: Tài liệu Khoa học & Công nghệ Việt Nam, nhiệm vụ Khoa học & Công nghệ Việt Nam, ScienceDirect, IEEE Xplore Digital Library, Americal Chemical Society (ACS), ProQuest, Scopus, Springer Nature. Ngoài ra, thư viện còn khai thác và hỗ trợ bạn đọc sử dụng hàng trăm cơ sở dữ liệu truy cập mở trong và ngoài nước.

Nguồn bổ sung: Các nhà xuất bản, các trường đại học trong và ngoài nước, các nguồn cung cấp cơ sở dữ liệu như Trung tâm Tư liệu Khoa học & Công nghệ Quốc gia (NASATI), Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ TP HCM (CESTI), nguồn tài trợ Sách Quý Châu Á của Hoa Kỳ cho các Thư viện Việt Nam.

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	-
2	Khối ngành II	1448
3	Khối ngành III	36416
4	Khối ngành IV	-
5	Khối ngành V	9874
6	Khối ngành VI	1668
7	Khối ngành VII	24914
	Tổng cộng	74320

- d) Sử dụng nguồn học liệu của chương trình đào tạo theo hình thức giáo dục chính quy có sẵn, đảm bảo đáp ứng đủ khối lượng kiến thức chương trình đào tạo từ xa.

Nguồn học liệu được lưu trữ trên hệ thống theo đường dẫn:
<https://dttx.hoasen.edu.vn/course/>

3.3. Tổ chức đào tạo

3.3.1. Đơn vị quản lý chuyên trách

1. Nhà trường

a) Ban giám hiệu trực tiếp quản lý toàn diện các mặt hoạt động của công tác đào tạo từ xa (ĐTTX);

b) Hội đồng khoa học và đào tạo của nhà trường có trách nhiệm tư vấn cho Ban giám hiệu về những chủ trương chính sách và chiến lược phát triển trong công tác ĐTTX. Thẩm định và phê duyệt những chương trình ĐTTX.

c) Các đơn vị hành chính tham gia tổ chức và quản lý ĐTTX gồm:

- Các đơn vị tổ chức ĐTTX (hay gọi tắt là đơn vị ĐTTX) gồm Phòng Đào tạo đại học, Ban E-learning và các Khoa chuyên môn của trường Đại học Hoa Sen. Các đơn vị ĐTTX chịu trách nhiệm quản lý, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập, lập kế hoạch đào tạo, tổ chức và quản lý các hoạt động dạy học, thi, kiểm tra đánh giá và các hoạt động có liên quan khác. Việc thực hiện nhiệm vụ này phải được phối hợp chặt chẽ với đơn vị nơi đặt Trạm ĐTTX.

- Các Khoa chuyên môn: chịu trách nhiệm quản lý chuyên môn theo ngành/chuyên ngành đào tạo được giao, quản lý chuyên môn của các giảng viên tham gia thực hiện chương trình ĐTTX, chủ trì việc tổ chức xây dựng và thẩm định chương trình ĐTTX, tham gia xây dựng học liệu ĐTTX, tham gia xây dựng và thẩm định ngân hàng đề thi, tham gia các hoạt động chuyên môn khác liên quan đến thực hiện chương trình ĐTTX.

- Trung tâm trải nghiệm sinh viên có trách nhiệm phối hợp các đơn vị ĐTTX trong việc thực hiện công tác khen thưởng, kỷ luật sinh viên và một số hoạt động liên quan đến chế độ, chính sách, thủ tục cho sinh viên (nếu có).

- Phòng Kế toán tài chính thực hiện quản lý về công tác tài chính liên quan đến thực hiện chương trình ĐTTX.

- Phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL) chịu trách nhiệm quản lý và tổ chức xây dựng ngân hàng đề thi, đề thi, quản lý bài thi, kết quả chấm thi hết học phần; đầu mối tổ chức thực hiện công tác đảm bảo chất lượng đối với hoạt động ĐTTX.

- Phòng Đào tạo đại học (ĐTĐH): chịu trách nhiệm quản lý về chương trình ĐTTX, nhập học và công nhận sinh viên, quản lý đào tạo, tốt nghiệp, cấp bằng, bảng điểm và các hoạt động có liên quan khác.

- Phòng Hành chính nhân sự: chịu trách nhiệm đầu mối trong việc quản lý đội ngũ nhân lực tham gia thực hiện chương trình ĐTTX gồm cán bộ, giảng viên và chuyên viên; chủ trì và phối

hợp với các đơn vị liên quan trong việc tổ chức, quản lý bồi dưỡng, tập huấn các kiến thức, kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân lực liên quan đến thực hiện chương trình ĐTTX.

- Phòng Công nghệ thông tin: chịu trách nhiệm đầu mối và phối hợp với các đơn vị, cá nhân trong việc tổ chức xây dựng học liệu ĐTTX; duy trì, phát triển và cung cấp hạ tầng công nghệ thông tin (cả phần cứng và phần mềm) phục vụ cho ĐTTX.

- Thư viện – Ban Tu Thư: cung cấp cho sinh viên các tài liệu tham khảo, học liệu hỗ trợ dưới dạng tài liệu in ấn hoặc tài liệu điện tử thông qua hệ thống thư viện điện tử phục vụ cho ĐTTX.

2. Trạm đào tạo từ xa (ĐTTX)

Năm đầu tiên thực hiện công tác đào tạo từ xa, dựa trên quy mô sinh viên theo chỉ tiêu đăng ký. Phạm vi tuyển sinh là các đối tượng thuộc khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận trường quyết định đặt trạm đào tạo tại cơ sở chính: số 08 Nguyễn Văn Tráng, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh

3.3.2. Tổ chức giảng dạy

Nhà Trường phân bổ hình thức học tập đảm bảo cân đối hợp lý giữa các khối lượng kiến thức và tạo điều kiện tương tác giữa giảng viên và sinh viên để sinh viên tiếp thu được một cách hiệu quả chương trình học.

Trong đó sinh viên sẽ tự học bằng cách xem video mà giảng viên đã quay hình và đưa lên hệ thống lớp học (hình thức này chiếm 30%) thời lượng chương trình. Với các học liệu dưới hình thức là video sinh viên có thể chủ động trong việc học, có thể xem bất kỳ khi nào và bất kỳ ở đâu để hoàn thành bài học.

Cùng với những video trên, sinh viên có thời lượng học trực tuyến và tương tác qua diễn đàn cùng với giảng viên và các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên ngành giàu kinh nghiệm (hình thức này chiếm 40%). Với hình thức này, sinh viên sẽ có thời khóa biểu cụ thể và học trực tiếp với giảng viên, trao đổi các chuyên gia các vấn đề chưa rõ trong quá trình học, các bài tập, kiến thức cần thiết.

Trong chương trình học sinh viên sẽ có các buổi tương tác với các chuyên gia dưới hình thức webinar (hình thức này chiếm 15%), các chuyên gia sẽ tư vấn, định hướng nghề nghiệp hoặc trao đổi các kinh nghiệm thực tế, cần thiết cho sinh viên.

Sinh viên sẽ có thời gian tự học và đọc tài liệu, thảo luận nhóm (hình thức này chiếm 15%), với sự tự học và thảo luận nhóm sẽ giúp sinh viên gắn kết nhau, có kỹ năng làm việc nhóm,...

3.3.3. Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá kết quả học phần

1. Quy trình kiểm tra, đánh giá được phổ biến cụ thể trong quy chế ĐTTX đảm bảo người học hiểu được các yêu cầu cho việc hoàn thành từng học phần và chương trình đào tạo.

2. Việc tổ chức thi kết thúc học phần thực hiện tập trung tại Trường hoặc tại Trạm ĐTTX, dưới sự giám sát bởi cán bộ của Trường.

3. Cách tính điểm và xếp hạng tốt nghiệp trên cơ sở quy định của quy chế ĐTTX của Trường

3.3.4. Tổ chức xét tốt nghiệp, cấp bằng

1. Người học được Trường xét, công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Hoàn thành chương trình ĐTTX, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định; đáp ứng chuẩn đầu ra của Trường quy định.

2. Căn cứ vào các điều kiện tốt nghiệp, Trường tổ chức xét, công nhận tốt nghiệp và cấp văn bằng cho người học đủ các điều kiện tốt nghiệp theo quy định. Không thể hiện hình thức ĐTTX trên bằng tốt nghiệp (theo Căn cứ Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018).

3. Việc in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ văn bằng thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Bảng điểm cấp cho người học thể hiện rõ tên các học phần được công nhận và miễn trừ, số tín chỉ tương ứng của từng học phần miễn trừ.

4. Cam kết và đề nghị

4.1. Cam kết

Đề án đào tạo từ xa trình độ đại học của Trường Đại học Hoa Sen đáp ứng đầy đủ các quy định tại Quy chế Đào tạo từ xa trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 10/2017/TT-BGDĐT ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực từ ngày 05/6/2017. Toàn bộ nội dung Đề án đã được đưa lên trang web của Trường tại địa chỉ: <https://www.hoasen.edu.vn>.

Trường đã chuẩn bị chu đáo từ chương trình đào tạo đến cơ sở vật chất, nhất là đội ngũ giảng viên, nhân viên cho việc sẵn sàng triển khai phương thức đào tạo từ xa. Trong tương lai, Trường sẽ tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị và đặc biệt là chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên, kho học liệu, ngân hàng đề thi ... và các chương trình hợp tác quốc tế để đảm bảo công tác đào tạo được hiệu quả và chất lượng.

4.2. Đề nghị

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và quy mô, năng lực cũng như kinh nghiệm tích lũy sau hơn 30 năm đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn vững vàng đóng góp cho công cuộc phát triển kinh tế xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và cả nước nói chung, Trường

Đại học Hoa Sen trân trọng báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bắt đầu triển khai công tác tuyển sinh chương trình đào tạo từ xa trình độ đại học kể từ tháng 12/2021 và chính thức tổ chức đào tạo từ tháng 3/2022.

Kính mong được Lãnh đạo Bộ quan tâm, tạo điều kiện.

Trân trọng cảm ơn./.

 **HIỆU TRƯỞNG**
PGS.TS. VÕ THỊ NGỌC THÚY

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Quản trị kinh doanh
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh
(Business Administration)
Mã số : 7340101
Loại hình đào tạo : Đào tạo từ xa
Khóa : 2022 – 2026

(Ban hành theo quyết định số /QĐ-ĐHHS ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)
Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2022 – 2023

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh của Đại học Hoa Sen nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đủ năng lực tham gia công tác quản lý các hoạt động kinh doanh trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Chương trình tăng cường sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giáo dục và sử dụng phương pháp dạy học tích cực nhằm tối đa hoá hiệu quả tổ chức dạy học.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Kiến thức:** ngoài khối kiến thức giáo dục đại cương, chương trình chú trọng tới mục tiêu cung cấp các kiến thức cơ bản chung của khối ngành kinh doanh cùng nhóm kiến thức chuyên sâu đặc thù của ngành như: Hành vi tổ chức, Quản trị nhân sự, Quản trị vận hành, Quản trị sự thay đổi, Quản trị chiến lược và Quản trị dự án.
- **Kỹ năng:** ngoài các giờ học lý thuyết, chương trình cũng cung cấp những trải nghiệm thực tế bổ ích để sinh viên có thể có thể phát triển các kỹ năng quản lý kinh doanh cần thiết để trở thành những nhà quản trị tài năng, sáng tạo, có khả năng thích ứng các thay đổi từ môi trường kinh doanh.
- **Thái độ:** chương trình hướng tới việc đào tạo ra các nhân sự có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có thái độ và tinh thần làm việc tốt, luôn cầu tiến và nỗ lực đóng góp cho tổ chức.
- **Trình độ ngoại ngữ và tin học:** chương trình nhằm đào tạo được những công dân toàn cầu được trang bị kỹ năng ngoại ngữ và tin học cần thiết để có thể làm việc hiệu quả trong môi trường kinh doanh hội nhập, đa văn hoá.

2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Quản trị kinh doanh (bậc Đại học), sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra đáp ứng tiêu chuẩn đào tạo bởi Hội đồng kiểm định các trường và Chương trình đào tạo về kinh doanh của Mỹ (tổ chức ACBSP) như sau:

2.1. Kiến thức

- **PLO1:** Vận dụng được khối kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, ngoại ngữ để nhận định, giải thích và đánh giá các vấn đề có liên quan đến môi trường kinh doanh.
- **PLO2:** Nhận diện, giải thích và đánh giá được cách thức tổ chức hoạt động kinh doanh của cá nhân và doanh nghiệp một cách đúng đắn và hiệu quả.
- **PLO3:** Giải thích và đánh giá được mối quan hệ giữa doanh nghiệp với các thành phần khác của nền kinh tế, cơ chế vận hành của các thị trường.
- **PLO4:** Vận dụng được khối kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh đặc thù để phân tích, đánh giá và đề xuất các phương án giải quyết các vấn đề cụ thể thường gặp trong môi trường kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

- **PLO5:** Phân tích, đánh giá được các tình huống kinh doanh theo các góc độ kinh tế, chính trị, xã hội, pháp lý và đặc điểm của môi trường kinh doanh nội bộ.
- **PLO6:** Vận dụng được các kỹ thuật và công cụ phù hợp để tổ chức các hoạt động marketing, bán hàng, sản xuất, logistic, quản lý cùng các nhóm chức năng khác như quản trị nhân sự, quản trị tài chính, kế toán, quản trị chất lượng, quản trị sự thay đổi,...
- **PLO7:** Đề xuất, tổ chức thực hiện và đánh giá được các kế hoạch kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu cụ thể cho doanh nghiệp.
- **PLO8:** Sử dụng được các kỹ năng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để giao tiếp, cộng tác với cộng sự nhằm tham gia giải quyết các vấn đề trong kinh doanh.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- **PLO9:** Có khả năng làm việc độc lập, tự bồi dưỡng, đào tạo, và học tập trọn đời để thích ứng tốt với các thay đổi của môi trường kinh doanh.
- **PLO10:** Nhận định và đánh giá được các tác động của hoạt động kinh doanh dưới góc độ đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, bền vững môi trường và yếu tố toàn cầu hoá. Tôn trọng pháp luật và điều hành doanh nghiệp trong khuôn khổ pháp luật.
- **PLO11:** Thể hiện tác phong chuyên nghiệp, tinh thần hợp tác, có trách nhiệm và nỗ lực đóng góp cho sự phát triển chung của tổ chức.
- **PLO12:** Có thể phát huy thế mạnh trong các lĩnh vực văn, thể, mỹ và chuyên ngành khác để có góc nhìn toàn diện về vấn đề và đề xuất được các phương án giải quyết vấn đề trong kinh doanh một cách hiệu quả.

3. Cơ hội nghề nghiệp:

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh làm việc tại các vị trí sau: nhân viên / tư vấn viên / trợ lý viên / chuyên viên của các nhóm công việc: bán hàng, kinh doanh, chăm sóc khách hàng, hành chính, nhân sự, marketing, vận hành, kế toán, tài chính, ... tại các công ty trong nước và nước ngoài.
- Sau thời gian làm việc theo quy định của công ty, sinh viên có thể đảm nhận những vị trí cao cấp như: giám sát viên / quản lý / trưởng phòng / giám đốc của các nhóm công việc: bán hàng, kinh doanh, chăm sóc khách hàng, hành chính, nhân sự, marketing, vận hành, kế toán, tài chính, ... tại các công ty trong nước và nước ngoài.

- Sau thời gian làm việc tại các công ty, sinh viên tham gia các chương trình Khởi nghiệp để tự kinh doanh riêng.

4. Thời gian đào tạo: 3 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- **Khối lượng tín chỉ tích lũy: 120 tín chỉ**
- **Khối lượng học phần/tín chỉ không tích lũy: Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ, Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết.**

Đầu khóa học, sinh viên được xếp lớp tiếng Anh:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn tiếng Anh (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ tiếng Anh dự bị trở lên và học theo quy định học tiếng Anh tại trường.

6. Đối tượng tuyển sinh:

Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Đào tạo theo Quy chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Hoa Sen.

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định cho Chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.
- Hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ hiện hành Trường Đại học Hoa Sen

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Hoa Sen.

8. Thang điểm

STT	Học phần	Loại	Hệ 10	Hệ chữ	Hệ 4
1	Các học phần được tính vào điểm Trung bình tích lũy (TBTL) hoặc không tính vào điểm TBTL nhưng là tiên quyết của học phần trong CTĐT	Đạt	8,5 – 10	A	4,0
2			7,0 - 8,4	B	3,0
3			5,5 – 6,9	C	2,0
4		Đạt có điều kiện	4,0 – 5,4	D	1,0
5		Không đạt	0,0 - 3.9	F	0,0
6	Các học phần: Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục thể chất	Đạt	Từ 5,0 trở lên	P	-
7		Không đạt	Dưới 5,0	F	-

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương

9.1.1. Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng			165	11	

9.1.2. Khoa học xã hội

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	45	3	
Cộng			45	3	

9.1.3. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Tin học ứng dụng khối ngành Kinh tế	Information Technology in Business	45	3	
Cộng			45	3	

9.1.4. Ngoại ngữ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
2	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng			310	10	

9.1.5. Các học phần/tín chỉ không tích lũy, yêu cầu hoàn thành để đạt chuẩn đầu ra

9.1.5.1. Giáo dục thể chất: 90 tiết – 03 tín chỉ

9.1.5.2. Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết – cấp chứng chỉ GDQP – An ninh

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1. Kiến thức cơ sở: 33 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Quản trị học	Introduction to Management	45	3	
2	Kinh tế vi mô	Microeconomics	45	3	
3	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	45	3	
4	Marketing căn bản	Introduction to Marketing	45	3	
5	Nguyên lý kế toán	Introduction to Accounting	45	3	
6	Nhập môn Hệ thống thông tin quản lý	Introduction to Management Information Systems	45	3	
7	Nhập môn Kinh doanh quốc tế	Introduction to International Business	45	3	
8	Thống kê kinh doanh	Business Statistics	45	3	
9	Đạo đức kinh doanh	Business Ethics	45	3	
10	Tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance	45	3	
11	Quản trị nhân sự	Human Resource Management	45	3	
Cộng			495	33	

9.2.2. Kiến thức ngành chính

9.2.2.1. Kiến thức chung ngành chính: 27 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Hành vi tổ chức	Organizational Behaviour	45	3	
2	Quản trị sự thay đổi	Change Management	45	3	
3	Hành vi người tiêu dùng	Consumer Behavior	45	3	
4	Quản trị dự án	Project Management	45	3	
5	Nghệ thuật lãnh đạo	Leadership	45	3	
6	Quản trị bán hàng	Sales Management	45	3	
7	Quản trị chiến lược	Strategic Management	45	3	
8	Quản trị vận hành doanh nghiệp	Business Operations Management	45	3	
9	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Business Research Methods	45	3	
Cộng			405	27	

9.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu ngành chính

– Bắt buộc: 6 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Kỹ thuật thương lượng	Negotiation Skills	45	3	
2	Quản trị chuỗi cung ứng	Supply Chain Management	45	3	
Cộng			90	6	

– Tự chọn bắt buộc: 9 tín chỉ, chọn 3 môn

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Quản trị chất lượng	Quality Management	45	3	
2	Khởi nghiệp	Entrepreneurship			
3	Quản trị quan hệ khách hàng (CRM)	Customer Relationship Management	45	3	
4	Quản trị tài chính	Financial Management	45	3	
5	Chiến lược Marketing	Marketing Strategy	45	3	
Cộng			135	9	

– Đề án: 3 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Đề án lập kế hoạch kinh doanh	Business Plan Project	0	3	
Cộng			0	3	

9.2.3. Kiến thức bổ trợ tự do: 6 tín chỉ

Sinh viên được tự do lựa chọn 6 tín chỉ các học phần nằm trong danh mục của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT và các học phần Giáo dục thể chất đã hoàn thành.

9.2.4. Tốt nghiệp: 9 tín chỉ

Khoa sẽ căn cứ *Quy định hướng dẫn về làm Khóa luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp* xét duyệt sinh viên để xác định việc học 1 trong 2 hình thức:

- Thực tập tốt nghiệp (9 tín chỉ)
- Khóa luận tốt nghiệp (9 tín chỉ)

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship		9	
2	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper		9	
Cộng				9	

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp. Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn tự chọn tự do hoặc học phần thêm.

10. Các phụ lục đính kèm

- Danh sách các học phần Giáo dục thể chất
- Kế hoạch học tập
- Mô tả học phần

11. Hướng dẫn thực hiện Chương trình

- Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVC,...
- Học phần được giảng dạy theo Đề cương học phần đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Phụ lục 2: Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Tiếng Anh
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Ngôn ngữ Anh (English Language Studies)
Mã số : 8220201
Loại hình đào tạo : Đào tạo từ xa
Khóa : 2022 -2026

*(Ban hành theo quyết định số /QĐ-ĐHHS ngày.....tháng..... năm
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)
Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ..... năm học*

1. Mục tiêu

1.1.Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học đào tạo cử nhân bậc đại học có đủ kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội, kiến thức chuyên ngành và kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất đạo đức, tác phong chuyên nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực nghề nghiệp có sử dụng tiếng Anh nhằm đáp ứng được nhu cầu nhân lực của xã hội và của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2.Mục tiêu cụ thể:

Cụ thể chương trình Ngôn ngữ Anh (chuyên ngành Anh văn thương mại và Truyền thông doanh nghiệp) trình độ đại học đào tạo người học có những phẩm chất và năng lực sau:

1. Sử dụng thành thạo các kỹ năng tiếng Anh (Nói, Nghe, Đọc, Viết) đạt cấp độ tương đương C1 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR) hoặc bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam (VSTEP) và sử dụng ngoại ngữ 2: tiếng Pháp/ Nhật/ Hàn/ Trung đạt cấp độ tương đương B1 (Khung tham chiếu Châu - CEFR) hoặc tương đương bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam);
2. Có kiến thức vững chắc về ngôn ngữ Anh và các vấn đề văn hóa, xã hội, quốc tế cũng như kiến thức chuyên môn sâu trong các lĩnh vực như thương mại, truyền thông, giảng dạy, biên phiên dịch và quan hệ quốc tế để có thể làm việc hiệu quả trong môi trường làm việc toàn cầu;
3. Có khả năng vận dụng một cách chủ động, hiệu quả và sáng tạo các kiến thức và các kỹ năng nghề nghiệp như làm việc nhóm, giao tiếp, tổ chức, lập kế hoạch, và giải quyết vấn đề... hoàn thành tốt công tác được giao trong mọi điều kiện và tình huống công việc;

4. Có thái độ chuẩn mực, tác phong làm việc, phong cách giao tiếp hiệu quả và chuyên nghiệp cùng với khả năng thích ứng và hội nhập nhanh chóng vào thị trường việc làm trong nền kinh tế hiện đại;
5. Có kỹ năng học tập độc lập và suốt đời để có thể tự nâng cao kiến thức và phát triển nghề nghiệp của bản thân, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế.

2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh trình độ đại học, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau:

2.1. Kiến thức

- PLO1 : Am hiểu và vận dụng khái niệm, thuật ngữ và lý thuyết nền tảng các lĩnh vực ngôn ngữ học, văn hóa, và văn chương để tổng hợp, phân biệt và trình bày đúng và rõ ràng các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo hoặc liên ngành;
- PLO2 : Nắm vững lý thuyết và khái niệm cốt lõi trong các lĩnh vực chung của thương mại và truyền thông doanh nghiệp bao gồm tiếp thị bán hàng, chiến lược truyền thông đối ngoại và truyền thông nhân viên, chăm sóc khách hàng và phát triển mối quan hệ dịch vụ bền vững;
- PLO3 : Vận dụng hiệu quả kiến thức chuyên ngành để giải thích chính xác lý thuyết và khái niệm cốt lõi trong các tình huống thương mại và truyền thông doanh nghiệp; áp dụng hiệu quả các kiến thức đó trong thực tiễn;

2.2. Kỹ năng

- PLO4 : Sử dụng thành thạo Tiếng Anh ở tất cả các kỹ năng ở cấp độ tương đương C1 (CEFR) hoặc tương đương bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam). Sử dụng ngoại ngữ 2: tiếng Pháp/ Nhật/ Hàn/ Trung đạt cấp độ tương đương B1 (Khung tham chiếu Châu - CEFR) hoặc tương đương bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam);
- PLO5 : Có năng lực học tập suốt đời, có tinh thần hợp tác, tôn trọng sự đa dạng văn hóa, và có khả năng nhận biết, đánh giá, phân tích và giải quyết các vấn đề chuyên môn để rút ra kết luận và đề xuất giải pháp phù hợp, hiệu quả;
- PLO6 : Thành thạo công tác soạn thảo các loại văn bản thương mại và truyền thông hiệu quả, tiến hành các nghiên cứu cơ bản trong kinh doanh, biên soạn và trình bày các đề xuất giải pháp thực tiễn trong thương mại và truyền thông doanh nghiệp;
- PLO7 : Tổng hợp thông tin, phân tích và đánh giá những tình huống, vấn đề phổ biến trong thương mại và truyền thông doanh nghiệp, từng bước tự lập kế hoạch để giải quyết những vấn đề tương ứng;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO8 : Thể hiện được năng lực làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong lĩnh vực chuyên môn liên quan;
- PLO9 : Nhận biết yêu cầu về phát triển kiến thức, phát triển nghề nghiệp của bản thân để có thể tiếp tục tự nâng cao năng lực, kiến thức, và phát triển chuyên môn ở các bậc học cao hơn.

3. Cơ hội nghề nghiệp:

- Làm việc trong các công ty, tập đoàn thương mại, dịch vụ... trong nước, liên doanh và quốc tế với các vị trí: chuyên viên/nhân viên bộ phận Quan hệ khách hàng, Dịch vụ khách hàng, chuyên viên phòng Nhân sự, phòng Kinh doanh, phòng Truyền thông, v.v.

4. Thời gian đào tạo: 3 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- Khối lượng tín chỉ tích lũy: 120 tín chỉ
- Khối lượng học phần/tín chỉ không tích lũy: *Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ, Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết.*

6. Đối tượng tuyển sinh:

Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Đào tạo theo Quy chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Hoa Sen.

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định cho Chương trình đào tạo.
 - Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
 - Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.
 - Hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
 - Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ C1.
 - Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ hiện hành Trường Đại học Hoa Sen
- Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh của Trường Đại học Hoa Sen..

8. Thang điểm

STT	Học phần	Loại	Hệ 10	Hệ chữ	Hệ 4
1	Các học phần được tính vào điểm Trung bình tích lũy (TBTL) hoặc không tính vào điểm TBTL nhưng là tiên quyết của học phần trong CTĐT	Đạt	8,5 – 10	A	4,0
2			7,0 - 8,4	B	3,0
3			5,5 – 6,9	C	2,0
4		Đạt có điều kiện	4,0 – 5,4	D	1,0
5		Không đạt	0,0 - 3.9	F	0,0
6	Các học phần: Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục thể chất	Đạt	Từ 5,0 trở lên	P	-
7		Không đạt	Dưới 5,0	F	-

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1. Kiến thức giáo dục đại cương

9.1.1. Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng			165	11	

9.1.2. Khoa học xã hội

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Pháp luật Đại cương	Introduction to Law	45	3	
Cộng			45	3	

9.1.3. Toán – tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Tin học ứng dụng khối ngành Khoa học xã hội	Information Technology in Social Sciences	45	3	
Cộng			45	3	

9.1.4. Ngoại ngữ 2

- Ngoại ngữ 2 (15TC): sinh viên bắt buộc học một ngoại ngữ 2 bất kỳ (Pháp, Nhật, Hoa, Hàn v.v).
- Sinh viên có thể được xét miễn học ngoại ngữ 2 nếu thỏa các điều kiện theo quy định về việc học Ngoại ngữ 2 của Trường.
- Trong trường hợp sinh viên học ngoại ngữ 2 tại trường, sinh viên có thể chọn một trong các ngoại ngữ sau (danh sách các ngoại ngữ này có thể được cập nhật thêm những ngoại ngữ khác và sinh viên có quyền chọn những ngoại ngữ khác đó):

a. Tiếng Pháp

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Tiếng Pháp 1	French 1	90	4	
2	Tiếng Pháp 2	French 2	90	4	
3	Tiếng Pháp 3	French 3	90	4	
4	Tiếng Pháp 4	French 4	75	3	
Cộng			345	15	

b. Tiếng Trung

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Tiếng Trung 1	Chinese 1	90	4	
2	Tiếng Trung 2	Chinese 2	90	4	
3	Tiếng Trung 3	Chinese 3	90	4	
4	Tiếng Trung 4	Chinese 4	75	3	
Cộng			345	15	

c. Tiếng Nhật

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	90	4	
2	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	90	4	
3	Tiếng Nhật 3	Japanese 3	90	4	
4	Tiếng Nhật 4	Japanese 4	75	3	
Cộng			345	15	

d. Tiếng Hàn

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Tiếng Hàn 1	Korean 1	90	4	
2	Tiếng Hàn 2	Korean 2	90	4	
3	Tiếng Hàn 3	Korean 3	90	4	
4	Tiếng Hàn 4	Korean 4	75	3	
Cộng			345	15	

9.1.5. Các học phần/tín chỉ không tích lũy, yêu cầu hoàn thành để đạt chuẩn đầu ra

9.1.5.1. Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

9.1.5.2. Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết – cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc Phòng – An ninh

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.1.1. Kiến thức cơ sở

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 1	English Listening and Speaking 1	45	3	
2	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 1	English Reading and Writing 1	60	3	
3	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 2	English Listening and Speaking 2	45	3	
4	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 2	English Reading and Writing 2	60	3	
5	Kỹ năng Nghe và Nói tiếng Anh 3	English Listening and Speaking 3	45	3	
6	Kỹ năng Đọc và Viết tiếng Anh 3	English Reading and Writing 3	60	3	
7	Ngữ pháp tiếng Anh thực hành	English Grammar in Use	45	3	
8	Nói tiếng Anh trước Công chúng	English Public Speaking	45	3	
Cộng			450	24	

9.1.2. Kiến thức ngành chính

9.1.2.1. Kiến thức chung ngành chính

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Văn hoá Anh Mỹ	British and American Culture and Society	45	3	
2	Ngữ âm và Âm vị học tiếng Anh	English Phonetics and Phonology	60	3	
3	Hình thái học và Cú pháp tiếng Anh	English Syntax and Morphology	60	3	
4	Kỹ năng Đọc – Viết biện luận tiếng Anh	English Critical Reading & Writing	60	3	
Cộng			225	12	

9.1.2.2. Kiến thức chuyên sâu ngành chính

– Học phần bắt buộc chung:

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Ngữ nghĩa học tiếng Anh	English Semantics	45	3	
2	Chọn 1 trong 2 môn sau:				
	Anh văn Thư tín thương mại	English for Effective Business Writing	60	3	
	Văn học Mỹ	American Literature	60	3	
Cộng			105	6	

– Học phần chuyên sâu của mỗi chuyên ngành (27 tín chỉ):

– Môn bắt buộc (21 tín chỉ):

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Anh văn Kinh doanh	English for Business Studies	60	3	
2	Dẫn nhập Truyền thông và Tổ chức Doanh nghiệp	Introduction to Corporate Communication and Organization	45	3	
3	Anh văn Truyền thông Doanh nghiệp	English for Corporate Communication	45	3	
4	Anh văn Kinh doanh nâng cao	Advanced English for Business	60	3	
5	Kỹ năng Tiếp thị Bán hàng	Fundamentals of Marketing and Sales	60	3	
6	Chiến lược Truyền thông Doanh nghiệp	Corporate Communication Strategies	45	3	
7	Quản lý Dịch vụ và Quan hệ Chăm sóc Khách hàng	Customer Service and Relationships Management	60	3	
Cộng			375	21	

– Môn tự chọn bắt buộc (6 tín chỉ):

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
Chọn 2 trong 6 môn sau:					
1	Nhập môn Biên Phiên dịch	Introduction to Translation and Interpreting	60	3	
2	Truyền thông nội bộ	Internal Communication	45	3	
3	Kỹ năng Quan hệ Công chúng	Essentials Skills for Public Relations	45	3	
4	Thực hành Biên Phiên dịch thương mại	Practice in Business Translation	60	3	
5	Tiếp thị và Truyền thông Tích hợp	Integrated Marketing and Communications (IMC)	45	3	
6	Kỹ năng Tổ chức Họp và Đàm phán thương mại	Business Meeting and Negotiation Skills	60	3	
Cộng			105	6	

– Đề án học phần:

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Đề án 1: Thu thập Dữ liệu thứ nguồn	Project 1: Secondary Source Data Collection	0	2	
2	Chọn 1 trong 2 môn sau:				
	Đề án 2: Thu thập Dữ liệu chính nguồn	Project 2: Primary Source Data Collection	0	2	
	Đề án 2: Đề án Thực hành Chuyên ngành	Project 2: Specialized Implementation Project	0	2	
Cộng			0	4	

9.1.3. Kiến thức bổ trợ tự do

Sinh viên được tự do lựa chọn 6 tín chỉ các học phần nằm trong danh mục học phần của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT.

9.1.4. Tốt nghiệp

Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức sau:

- Thực tập tốt nghiệp: 9 tín chỉ
- Làm khóa luận tốt nghiệp * (nếu điểm TBTL ≥ 2.8): 9 tín chỉ

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship		9	
2	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper		9	
Cộng				9	

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp. Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn tự chọn tự do hoặc học phần thêm.

10. Các phụ lục đính kèm:

- Mô tả học phần
- Kế hoạch học tập:

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVC,..
- Học phần được giảng dạy theo Đề cương học phần đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Phụ lục 3: Chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Công Nghệ Thông Tin
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Công Nghệ Thông Tin
(Information Technology)
Mã số : 7480201
Loại hình đào tạo : Đào tạo từ xa
Khóa : 2022 - 2026

(Ban hành theo quyết định số /QĐ-ĐHHS ngày.....tháng..... năm
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)

Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ 01 năm học 2022 - 2023

1. Mục tiêu

1.1.Mục tiêu chung:

Ngành Công Nghệ Thông Tin nhằm đào tạo cử nhân công nghệ thông tin có khả năng tuyển dụng cao với các kỹ năng, kiến thức và kinh nghiệm thực hành theo yêu cầu của các nhà tuyển dụng tiềm năng.

Chương trình giúp sinh viên phát triển các kỹ năng chuyên môn như lập trình, phân tích, thiết kế, phát triển ứng dụng, áp dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn cũng như kỹ năng mềm như ngoại ngữ, làm việc nhóm, v.v... cần thiết để tham gia các dự án tạo ra các giải pháp phần mềm cho các vấn đề thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp chuyên nghiệp hay khởi nghiệp năng động.

1.2.Mục tiêu cụ thể:

- Đào tạo sinh viên có khả năng, năng lực tham gia và đảm nhận các vị trí trong các dự án phát triển phần mềm ứng dụng và các quá trình tin học hóa các hệ thống thông tin đòi hỏi áp dụng những thành tựu công nghệ mới nhất từ các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, xử lý dữ liệu và dữ liệu lớn nhằm phục vụ cho yêu cầu hoạt động của các đơn vị, cá nhân.
- Trang bị sinh viên những kỹ năng tự nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng các kỹ thuật công nghệ mới đáp ứng nhu cầu phát triển của ngành nghề và xã hội. Qua đó, sinh viên nâng cao năng lực giải quyết các vấn đề mới ngày càng phức tạp hơn nảy sinh trong quá trình phát triển của xã hội.
- Trang bị sinh viên những kỹ năng làm việc theo nhóm cũng như khả năng giao tiếp và trình bày vấn đề tốt để làm việc, tư vấn thuyết phục nhiều đối tượng thuộc nhiều ngành nghề khác nhau.

- Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được các quy tắc và chuẩn mực của Đạo đức nghề nghiệp. Áp dụng được kiến thức và kỹ năng của ngành vào thực tế, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội và thế giới.
- Cung cấp các định hướng ngành đa dạng nhằm giúp sinh viên có thể phát triển theo một hướng chuyên sâu hay theo diện rộng đa lĩnh vực trong công nghệ thông tin.
- Có một cấu trúc thay đổi linh hoạt nhằm đáp ứng những tiến bộ trong công nghệ cũng như nhu cầu của cộng đồng.

2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Công Nghệ Thông Tin (trình độ đại học) sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau:

2.1.Kiến thức

- PLO1 : Áp dụng lý thuyết, nguyên lý, công cụ và quy trình kỹ thuật phần mềm, cũng như lý thuyết và nguyên lý của khoa học máy tính và toán học, để phát triển và bảo trì các hệ thống phần mềm.
- PLO2 : Áp dụng các nguyên lý, kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong lĩnh vực công nghệ thông tin nhằm phát triển những hệ thống ứng dụng thông minh.
- PLO3 : Thiết kế và đánh giá các nguyên mẫu phần mềm.
- PLO4 : Tham gia một cách hiệu quả vào các nhóm dự án công nghệ thông tin.
- PLO5 : Sử dụng kiến thức các vấn đề nghiệp vụ để đánh giá hiệu quả và tác động của các giải pháp công nghệ thông tin tiềm năng.
- PLO6 : Áp dụng các kỹ thuật, kỹ năng, và các công cụ hiện đại cần thiết cho việc thực hành kỹ thuật.

2.2.Kỹ năng

- PLO7 : Áp dụng các quy tắc đạo đức và hành vi chuyên nghiệp thích hợp để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin.
- PLO8 : Vận dụng kiến thức và kỹ năng của ngành trong các công việc phục vụ lợi ích của xã hội.
- PLO9 : Tham gia vào các hoạt động khuyến khích bảo vệ sở hữu trí tuệ như sử dụng phần mềm hợp pháp, tôn trọng quyền tác giả.

2.3.Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO10 : Giao tiếp hiệu quả qua các báo cáo bằng lời nói cũng như văn bản, và tài liệu công nghệ thông tin.
- PLO11 : Sử dụng lưu loát các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong các vấn đề chuyên môn và một vài vấn đề xã hội; đạt chứng chỉ tối thiểu tương đương trình độ B1.
- PLO12 : Làm việc, phối hợp, định hướng cũng như phát huy điểm mạnh của mỗi cá nhân trong các hoạt động nhóm.
- PLO 13 : Học tập suốt đời thông qua các hoạt động tự nghiên cứu, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và kiến thức liên ngành trong suốt sự nghiệp.

3. Cơ hội nghề nghiệp:

Sinh viên tốt nghiệp ngành có thể làm việc trong các lĩnh vực cụ thể sau:

- Công nghiệp phần mềm
- Tư vấn xây dựng hệ thống
- Công nghiệp nội dung số
- Kinh doanh sản phẩm phần mềm và CNTT

- Dịch vụ phần mềm và CNTT
- Hệ thống thông tin
- Dịch vụ giáo dục
- Các lĩnh vực ứng dụng phần mềm và CNTT
- Các lĩnh vực xử lý dữ liệu

Cụ thể sinh viên có năng lực để làm việc tại các vị trí, chức danh sau:

- Lập trình phát triển ứng dụng
- Kỹ sư hệ thống phần mềm
- Kỹ sư hệ thống thông tin
- Chuyên viên phân tích, xử lý dữ liệu
- Quản trị các hệ cơ sở dữ liệu
- Kỹ sư nghiên cứu và phát triển dự án CNTT
- Quản lý dự án phần mềm và CNTT
- Chuyên viên phân tích nghiệp vụ
- Chuyên viên phân tích, thiết kế hệ thống thông tin

4. Thời gian đào tạo: 3 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- **Khối lượng tín chỉ tích lũy: 120 tín chỉ**
- **Khối lượng học phần/tín chỉ không tích lũy: Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ, Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết.**

Đầu khóa học, sinh viên được xếp lớp tiếng Anh:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn tiếng Anh (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ tiếng Anh dự bị trở lên và học theo quy định học tiếng Anh tại trường.

6. Đối tượng tuyển sinh:

Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Đào tạo theo Quy chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Hoa Sen.

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định cho Chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.
- Hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ hiện hành Trường Đại học Hoa Sen

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Công nghệ thông tin của Trường Đại học Hoa Sen.

8. Thang điểm

STT	Học phần	Loại	Hệ 10	Hệ chữ	Hệ 4
1	Các học phần được tính vào điểm Trung bình tích lũy (TBTL) hoặc không tính vào điểm TBTL nhưng là tiên quyết của học phần trong CTĐT	Đạt	8,5 – 10	A	4,0
2			7,0 - 8,4	B	3,0
3			5,5 – 6,9	C	2,0
4		Đạt có điều kiện	4,0 – 5,4	D	1,0
5		Không đạt	0,0 - 3.9	F	0,0
6	Các học phần: Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục thể chất	Đạt	Từ 5,0 trở lên	P	-
7		Không đạt	Dưới 5,0	F	-

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1.Kiến thức giáo dục đại cương

9.1.1. Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng			165	11	

9.1.2. Khoa học xã hội

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương	Introduction to Law	45	3	
Cộng			45	3	

9.1.3. Toán – tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Toán rời rạc	Discrete Mathematics	45	3	
2	Đại số tuyến tính	Linear Algebra	45	3	
3	Xác suất thống kê cho kỹ sư	Probability and Statistics for engineer	45	3	
Cộng			135	9	

9.1.4. Ngoại ngữ

Stt	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
2	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng			270	10	

9.1.5. Các học phần/tín chỉ không tích lũy, yêu cầu hoàn thành để đạt chuẩn đầu ra

9.1.5.3. Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

9.1.5.4. Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết – cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc
Phòng – An ninh

9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1. Kiến thức cơ sở

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Nhập môn lập trình	Programming Fundamentals	60	3	
2	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Data Structures and Algorithms	60	3	
3	Lập Trình Hướng Đối Tượng	Object Oriented Programming	60	3	
4	Hệ thống máy tính	Computer System	60	3	
5	Mạng máy tính cơ sở	Fundamentals of Computer Network	60	3	
6	Lý thuyết hệ điều hành	Operating Systems Theory	60	3	
7	Cơ sở dữ liệu	Database Fundamentals	60	3	
8	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Database Management Systems	60	3	
Cộng			480	24	

9.2.2. Kiến thức ngành chính

9.2.2.1. Kiến thức chung ngành chính

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Phân tích thiết kế hướng đối tượng	Object-oriented Analysis and Design	60	3	
2	Phân tích và thiết kế giải thuật	Algorithms Analysis and Design	60	3	
3	Công nghệ phần mềm	Software Engineering	45	3	
4	Kỹ thuật thu thập yêu cầu phần mềm	Software Requirement Engineering	45	3	
Cộng			210	12	

9.2.2.2. Kiến thức chuyên sâu ngành chính

- Bắt buộc

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Chuyên đề công nghệ	Emerging Technologies	45	3	
2	Kiến trúc phần mềm	Software Architecture	60	3	
3	Quản trị dự án phần mềm	Software Project Management	45	3	
4	Trí tuệ nhân tạo	Artificial Intelligence	60	3	
Cộng			210	12	

- Thực hành và Đồ án

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Thực hành công nghệ thông tin 1	Information Technology Practice 1	30	1	
2	Thực hành công nghệ thông tin 2	Information Technology Practice 2	30	1	
3	Đồ án thực tập lập trình A	Professional Programming Practices A	45	2	
4	Đồ án chuyên ngành A	Major Project A	45	2	
Cộng			150	6	

- Tự chọn: chọn 6 môn trong các môn của một hay nhiều hướng ngành

ST T	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
Hướng ngành Công nghệ ứng dụng Trí tuệ Nhân tạo					
1	Máy học	Machine Learning	60	3	
2	Khai phá dữ liệu cơ bản	Data Mining Fundamentals	60	3	
3	Lập trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Practical Artificial Intelligence Programming	60	3	
4	Phát triển ứng dụng cho thương mại điện tử	Application Development for E-Commerce	45	3	
5	Hệ hỗ trợ ra quyết định	Decision Support System	45	3	
6	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	Natural language processing	60	3	
Hướng ngành Công nghệ ứng dụng Khoa học dữ liệu và Dữ liệu lớn					
1	Cơ sở dữ liệu nâng cao	Advanced Database	60	3	
2	Dữ liệu lớn với Hadoop	Big data with Hadoop	60	3	
3	Kỹ thuật phát triển kho dữ liệu	Datawarehouse Development Techniques	45	3	
4	Cơ sở dữ liệu NoSQL	NoSQL Database	60	3	
5	Hệ quản lý tri thức	Knowledge Management System	45	3	
6	Phân tích dữ liệu	Data analytics	60	3	
Hướng ngành Phát triển và đảm bảo chất lượng phần mềm					

ST T	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Phát triển phần mềm ứng dụng	Software Application Development	60	3	
2	Phát triển Web	Web Development	60	3	
3	Phát triển ứng dụng trên thiết bị di động	Application Development for Mobile Devices	60	3	
4	Kiểm thử phần mềm	Software Testing	60	3	
5	Quản lý chất lượng phần mềm	Software Quality Management	45	3	
6	Phát triển game	Game Development	60	3	
Hướng ngành Internet of Things và Blockchain					
1	Công nghệ và ứng dụng Internet of Things	Internet of Things Technologies and Applications	45	3	
2	Phát triển ứng dụng Internet of Things	Internet of Things Application Development	60	3	
3	Công nghệ Blockchain	Blockchain Technology	45	3	
4	Điện toán thời gian thực và Hệ thống nhúng	Real Time Computing and Embedded Systems	60	3	
5	Phát triển ứng dụng đám mây	Cloud Application Development	60	3	
6	Tính toán đám mây	Cloud Computing	60	3	
Cộng			360	18	

9.2.3. Kiến thức bổ trợ tự do

Sinh viên được tự lựa chọn 6 tín chỉ các học phần nằm trong danh mục của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT và các học phần Giáo dục thể chất đã hoàn thành.

9.2.4. Tốt nghiệp

Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức sau:

- Thực tập tốt nghiệp: 9 tín chỉ
- Làm khóa luận tốt nghiệp (nếu điểm TBTL ≥ 2.8): 9 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	15 tuần	9	8A
2	Khoá luận tốt nghiệp	Graduation Paper	15 tuần	9	8A
Cộng				9	

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học học phần thay thế tốt nghiệp. Nếu sinh viên tự ý học các học phần thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là học phần tự chọn tự do hoặc học phần học thêm.

10. Các phụ lục đính kèm:

- Danh sách các học phần Giáo dục thể chất
- Kế hoạch học tập
- Mô tả học phần

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đối với các học phần Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVC,..
- Học phần được giảng dạy theo Đề cương học phần đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Phụ lục 4: Chương trình đào tạo ngành Luật Kinh tế

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Luật Kinh doanh số
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Luật Kinh tế (Business Law)
Mã số : 7380107
Loại hình đào tạo : Đào tạo từ xa
Khóa : 2022 – 2026

*(Ban hành theo quyết định số /QĐ-ĐHHS ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường Đại học Hoa Sen)*

Phiên bản 01 - Áp dụng từ Học kỳ 01, năm học 2022 – 2023

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Luật Kinh tế, chuyên ngành Luật Kinh doanh số có phẩm chất chính trị và ý thức trách nhiệm đối với xã hội, có sức khỏe, kiến thức và năng lực chuyên môn trong lĩnh vực Luật Kinh doanh số để phát triển nghề nghiệp và bản thân trong bối cảnh hội nhập và phát triển của đất nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

- Trang bị kiến thức cơ bản về xã hội và con người để phục vụ cho việc phát triển nghề nghiệp và tự hoàn thiện bản thân.
- Cung cấp kiến thức lý thuyết nền tảng và thực tiễn thuộc các lĩnh vực pháp luật và Luật Kinh tế để giải quyết các vấn đề chuyên môn.
- Tăng cường kiến thức pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử, công nghệ số và kinh tế số.

Kỹ năng

- Giúp người học phát triển kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử cần thiết thuộc lĩnh vực luật kinh doanh số để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp.
- Kỹ năng tự nghiên cứu và nâng cao trình độ để áp dụng pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử, công nghệ số và kinh tế số.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Đào tạo năng lực làm việc độc lập và theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức thuộc ngành luật kinh doanh số và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ.
- Giúp người học xây dựng ý thức trách nhiệm đối với cá nhân, cộng đồng, ý thức phục vụ đất nước và đạo đức nghề nghiệp.

2. Chuẩn đầu ra

Tốt nghiệp chương trình Luật Kinh doanh số (trình độ đại học), sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau:

2.1 Kiến thức

- PLO1: Vận dụng các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, kinh tế, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội cho việc giải thích, phân tích những vấn đề trong công việc và cuộc sống.
- PLO2: Sử dụng được các kiến thức thuộc lĩnh vực cơ sở ngành phù hợp với chuyên ngành luật kinh doanh số, cụ thể các kiến thức chuyên ngành về pháp luật thương mại điện tử, pháp luật về công nghệ số.
- PLO3: Áp dụng các kiến thức chuyên ngành và kiến thức hỗ trợ cho chuyên ngành luật kinh doanh số một cách linh hoạt, có căn cứ, để giải quyết các vấn đề pháp lý liên quan thương mại điện tử và công nghệ số sẽ phát sinh trong bối cảnh các quy định pháp luật chưa được cụ thể.

2.2 Kỹ năng

- PLO4: Nhận định được bối cảnh pháp lý và giải quyết được các vấn đề thực tiễn phù hợp với các quy định pháp luật trong từng thời điểm.
- PLO5: Có tư duy pháp lý và kỹ năng thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật, đặc biệt là lĩnh vực pháp luật kinh doanh số.
- PLO6: Hoàn thành các tiêu chuẩn ngoại ngữ (tiếng Anh) và tin học đáp ứng quy định chung của Trường Đại học Hoa Sen

2.3 Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm

- PLO7: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.
- PLO8: Biết tổ chức thực hiện công việc và học hỏi, phát triển bản thân.
- PLO9: Có ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

3. Cơ hội nghề nghiệp

- Chuyên viên pháp chế trong các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tổ chức kinh tế, ở các phòng pháp chế, nhân sự, Ban thư ký lãnh đạo doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử và công nghệ số.
- Chuyên viên pháp lý, thư ký nghiệp vụ, trợ lý cho luật sư tại các Công ty Luật, Văn phòng Luật sư, Văn phòng Công chứng, Văn phòng Thừa phát lại, Trung tâm bán đấu giá tài sản, Trung tâm hòa giải, Trọng tài thương mại, Trợ giúp pháp lý, Chuyên viên tư vấn ở các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Luật Kinh Doanh Số có cơ hội việc làm cao tại các Công ty luật nước ngoài, chi nhánh văn phòng luật sư nước ngoài tại Việt Nam chuyên hỗ trợ các nhà đầu tư nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam trong lĩnh vực thương mại điện tử và công nghệ số.
- Thư ký Tòa án, Chuyên viên Cơ quan Thi hành án dân sự; Chuyên viên trong Viện kiểm sát nhân dân, Công tác pháp luật trong cơ quan Công an nhân dân.
- Chuyên viên pháp chế tại các bộ phận: nhân sự, hành chính, tổng hợp, chính sách, tuyên truyền pháp luật, thư ký lãnh đạo ở các cơ quan: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở, phòng, ban các cấp.
- Chuyên viên pháp lý trong các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ (NGOs).
- Công tác nghiên cứu, báo cáo viên pháp luật trong các cơ sở đào tạo, đơn vị sự nghiệp về lĩnh vực pháp luật, tư vấn hoạch định chính sách công trong lĩnh vực thương mại điện tử và kinh doanh số.

- Nhà khởi nghiệp trong lĩnh vực thương mại điện tử, công nghệ số am hiểu các quy định pháp luật và có kĩ năng áp dụng pháp luật trong lĩnh vực thương mại điện tử, công nghệ số
- Cơ hội nâng cao nghề nghiệp sau khi đáp ứng một số quy trình của Nhà nước về tiêu chuẩn, điều kiện để được cấp chứng chỉ hành nghề hay bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp:
 - **Luật sư:** tham gia khóa đào tạo nghề luật sư, trải qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự để cấp chứng chỉ hành nghề Luật sư.
 - **Thẩm phán:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ xét xử, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Thẩm phán.
 - **Kiểm sát viên:** có thời gian công tác thực tiễn theo quy định, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm sát, có năng lực thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, trải qua kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm làm Kiểm sát viên.
 - **Chấp hành viên:** có thời gian công tác thực tiễn, tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ thi hành án dân sự, đạt kết quả kỳ thi tuyển chọn để bổ nhiệm Chấp hành viên.
 - **Công chứng viên, Thừa phát lại, Đấu giá viên:** tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn, đạt kết quả tập sự hành nghề để cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.
 - **Công tác giảng dạy pháp luật:** sau khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, có thời gian công tác thực tiễn theo quy định.

4. Thời gian đào tạo: 3 năm

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

- **Khối lượng tín chỉ tích lũy: 120 tín chỉ**
- **Khối lượng học phần/tín chỉ không tích lũy:** *Giáo dục thể chất – 03 tín chỉ, Giáo dục quốc phòng – An ninh – 165 tiết.*

Đầu khóa học, sinh viên được xếp lớp tiếng Anh:

Căn cứ vào điểm thi Trung học phổ thông quốc gia môn tiếng Anh (nếu có) hoặc kết quả thi xếp lớp (nếu sinh viên có đăng ký dự thi), sinh viên sẽ được xếp lớp tương ứng từ cấp độ tiếng Anh dự bị trở lên và học theo quy định học tiếng Anh tại trường.

6. Đối tượng tuyển sinh:

Theo quy chế Tuyển sinh Đại học, Cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Đào tạo theo Quy chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Hoa Sen.

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định cho Chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.
- Hoàn thành Chương trình Giáo dục thể chất.
- Có chứng chỉ chuẩn đầu ra tiếng Anh tối thiểu tương đương trình độ B1.
- Và một số quy định khác theo quy chế tín chỉ hiện hành Trường Đại học Hoa Sen

Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân ngành Luật kinh tế của Trường Đại học Hoa Sen.

8. Thang điểm

STT	Học phần	Loại	Hệ 10	Hệ chữ	Hệ 4
1	Các học phần được tính vào điểm Trung bình tích lũy (TBTL) hoặc không tính vào điểm TBTL nhưng là tiên quyết của học phần trong CTĐT	Đạt	8,5 – 10	A	4,0
2			7,0 - 8,4	B	3,0
3			5,5 – 6,9	C	2,0
4		Đạt có điều kiện	4,0 – 5,4	D	1,0
5		Không đạt	0,0 - 3.9	F	0,0
6	Các học phần: Giáo dục quốc phòng-An ninh, Giáo dục thể chất	Đạt	Từ 5,0 trở lên	P	-
7		Không đạt	Dưới 5,0	F	-

9. Nội dung chương trình đào tạo

9.1 Kiến thức giáo dục đại cương

9.1.1 Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Triết học Mác-Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	45	3	
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	30	2	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	30	2	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh's Ideology	30	2	
5	Lịch sử Đảng CSVN	Vietnam Communist Party's History	30	2	
Cộng			165	11	

9.1.2 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ – Môi trường: 3 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Tin học ứng dụng khối ngành Khoa học xã hội	Information Technology in Social Sciences	45	3	
Cộng			45	3	

9.1.3 Ngoại ngữ: 10 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Anh văn giao tiếp quốc tế 5	EIC5	105	5	
2	Anh văn giao tiếp quốc tế 6	EIC6	105	5	
Cộng			270	10	

9.1.4 Các học phần/tín chỉ không tích lũy, yêu cầu hoàn thành để đạt chuẩn đầu ra

9.1.4.1 Giáo dục thể chất: 03 tín chỉ

9.1.4.2 Giáo dục quốc phòng – An ninh: 165 tiết – cấp Chứng chỉ Giáo dục quốc Phòng
– An ninh

9.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

9.2.1 Kiến thức cơ sở: 57 tín chỉ

Bắt buộc: 55 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Lý luận Nhà nước và pháp luật	Introduction to State and Law	30	2	
2	Luật Hiến pháp	Constitutional Law	45	3	
3	Những vấn đề chung về Luật Dân sự	General Views of Civil Law	45	3	
4	Luật Tài sản	Property Law	45	3	
5	Pháp luật về Hợp đồng và Bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng	Laws on Contract and Tort	45	3	
6	Pháp luật về Bảo đảm Nghĩa vụ	Laws on Secured Transactions	30	2	
7	Luật hợp đồng - Các hợp đồng thông dụng	Common Civil Contracts	30	2	
8	Luật Đất đai - Môi trường	Land and Environment Law	45	3	
9	Luật Lao động	Labor Law	45	3	
10	Luật Thuế	Tax Law	45	3	
11	Luật Hình sự và Tố tụng Hình sự	Criminal and Criminal Proceeding Law	45	3	
12	Luật Hành chính và Tố tụng Hành chính	Administrative and Administrative Proceeding Law	45	3	
13	Luật Tố tụng Dân sự	Civil Proceeding Law	45	3	
14	Pháp luật về Chủ thể kinh doanh và phá sản	Laws on Commercial Entities and Bankruptcy	45	3	
15	Pháp luật về Hàng hóa và dịch vụ	Laws on Goods and Services	45	3	
16	Luật Sở hữu Trí tuệ	Intellectual Property Law	45	3	
17	Công pháp Quốc tế	International Public	45	3	
18	Tư pháp Quốc tế	International Private	45	3	
19	Thuật ngữ Pháp lý tiếng Anh	Legal Terms in English	30	2	
20	Pháp luật về kinh doanh quốc tế	Laws on International Business	30	2	
Cộng			825	55	

Tự chọn: chọn 1 môn, 2 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Luật Thi hành án Dân sự và Thừa Phát lại	Execution of Civil Judgement and Bailiffs Law	30	2	
2	Luật học So sánh	Comparative Law	30	2	
3	Luật Hôn nhân và Gia đình	Mariage and Family Law	30	2	
4	Phương pháp Phân tích Luật viết	Methodology on Written Law Analysis	30	2	
5	Pháp luật về Công chứng, Chứng thực	Laws on Notary	30	2	
Cộng			30	2	

9.2.2 Kiến thức ngành chính: 24 tín chỉ

9.2.2.1 Kiến thức chung ngành chính: 6 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Luật Đầu tư	Investment Law	45	3	
2	Luật Thương mại Quốc tế	International Trade Law	45	3	
Cộng			90	6	

9.2.2.2 Kiến thức chuyên sâu ngành chính: 18 tín chỉ

Bắt buộc: 8 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Luật Cạnh tranh	Competition Law	30	2	
2	Luật Thương mại Điện tử	E-commerce Law	30	2	
3	Pháp luật về Công nghệ Tài chính	Laws on Fintech	30	2	
4	Luật An ninh mạng và Bảo vệ Dữ liệu Toàn cầu	Cybersecurity Law and Global Data Privacy	30	2	
Cộng			120	8	

Tự chọn: 10 tín chỉ, chọn 5 môn

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Pháp luật về Kinh doanh Bất động sản	Laws on Real Estate Business	30	2	
2	Pháp luật về Kế toán và Kiểm toán	Laws on Accounting and Auditing	30	2	
3	Pháp luật về Kinh doanh Bảo hiểm	Laws on Insurance	30	2	
4	Luật Ngân hàng	Banking Law	30	2	
5	Luật Chứng khoán	Securities Law	30	2	
6	Pháp luật về Tín thác	Laws on Trust	30	2	
7	Kỹ năng Thực hành luật	Legal Practicing Skill	30	2	
Cộng			150	10	

9.2.3 Kiến thức bổ trợ tự do

Sinh viên được tự do lựa chọn 6 tín chỉ các học phần nằm trong danh mục của trường, trừ các tín chỉ bắt buộc, tự chọn bắt buộc đã được công nhận của CTĐT và các học phần Giáo dục thể chất đã hoàn thành.

9.2.4 Tốt nghiệp

Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức sau:

- Thực tập tốt nghiệp: 9 tín chỉ
- Làm khóa luận tốt nghiệp (nếu điểm TBTL ≥ 2.8): 9 tín chỉ

STT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần tiếng Anh	Tổng số tiết	Tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship		9	
2	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Paper		9	
Cộng				9	

SV có hoàn cảnh đặc biệt không thể chọn 1 trong 2 hình thức ở trên phải làm đơn kèm minh chứng để Khoa xem xét cho học môn thay thế tốt nghiệp. Nếu sinh viên tự ý học các môn thay thế tốt nghiệp sẽ được xem là môn tự chọn tự do hoặc học phần thêm.

10. Các phụ lục đính kèm:

- Danh sách các học phần Giáo dục thể chất
- Kế hoạch học tập
- Mô tả học phần

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Đối với các môn Tự chọn bắt buộc, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng thời điểm: sĩ số sinh viên dự kiến đăng ký, nguồn lực giảng viên, các điều kiện về CSVN,...
- Học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Phụ lục 5: Các Nghị quyết, Quyết định

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN**

Số: 1247/NQ-ĐHHS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Thông qua việc mở ngành đào tạo

HỘI ĐỒNG TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 274/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hoa Sen;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và Hoạt động Trường Đại học Hoa Sen ban hành kèm theo Quyết định số 2462/QĐ-DHHS ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Sen;

Căn cứ Nghị quyết số 472/2021/NQ-HNNDT.HSU ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Hội nghị nhà đầu tư Trường Đại học Hoa Sen về việc thông qua danh sách Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Hoa Sen;

Căn cứ Tờ trình số 1246/TTr-DHHS ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc mở ngành đào tạo.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc mở các ngành đào tạo như sau:

- Đối với hình thức đào tạo chính quy: ngành Công nghệ tài chính (mã ngành đề xuất: 734 02 02).

- Đối với hình thức đào tạo từ xa:

+ Ngành Quản trị kinh doanh (mã ngành: 734 01 01)

+ Ngành Công nghệ thông tin (mã ngành: 748 02 01)

+ Ngành Ngôn ngữ Anh (mã ngành: 722 02 01)

+ Ngành Luật Kinh tế (mã ngành: 738 01 07)

Điều 2. Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành, Hiệu trưởng Võ Thị Ngọc Thủy chịu trách nhiệm xây dựng và trình hồ sơ đăng ký mở ngành báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu, các Trưởng, Phó Trường đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch NHG; | để b/c
- TGD NHG;
- Lưu: VP, HDT.

